

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

BÙI TƯỜNG VÂN

**TRANG PHỤC NỮ CỦA NGƯỜI DAO QUẦN TRẮNG
(XÃ HÙNG ĐỨC – HUYỆN HÀM YÊN – TỈNH TUYÊN QUANG)**

Chuyên ngành : Văn hóa học

Mã số : 60 31 06 40

LUẬN VĂN THẠC SĨ VĂN HÓA HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

TS. Nguyễn Mỹ Thanh

HÀ NỘI, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn này hoàn toàn trung thực và không lặp trùng lặp với các đề tài khác trong cùng lĩnh vực.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời cam đoan này.

Tác giả

Bùi Tường Vân

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1. Tổng quan địa bàn nghiên cứu	8
1.1. Người Dao Quần Trắng ở xã Hùng Đức và thôn Văn Nham	8
1.2. Đặc điểm về kinh tế.....	10
1.3. Đặc điểm về xã hội.....	13
1.4. Một số đặc điểm về văn hóa.....	14
Tiểu kết chương 1.....	22
Chương 2. Trang phục nữ truyền thống của người Dao Quần Trắng và biến đổi.....	24
2.1. Quá trình làm ra bộ trang phục	24
2.2. Các thể loại Y phục.....	32
2.3. Đồ trang sức	43
2.4. Các mô típ hoa văn trang trí trên trang phục	45
2.5. Một số thay đổi của bộ trang phục cổ truyền.....	48
Tiểu kết chương 2.....	50
Chương 3. Những giá trị và vấn đề biến đổi của bộ trang phục nữ người Dao Quần Trắng.....	52
3.1. Giá trị nghệ thuật và thẩm mỹ.....	52
3.2. Giá trị văn hóa	57
3.3. Những nhận định xung quanh việc biến đổi trang phục nữ người Dao Quần Trắng ở thôn Văn Nham.....	61
3.4. Một số ý kiến về vấn đề bảo tồn trang phục nữ truyền thống của người Dao Quần Trắng.....	70
Tiểu kết chương 3.....	71
KẾT LUẬN	74
TÀI LIỆU THAM KHẢO	77

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tìm hiểu văn hóa các dân tộc thiểu số là đề tài được các nhà nghiên cứu quan tâm từ lâu. Văn hóa Dao Quần Trắng nằm trong chỉnh thể văn hóa Việt Nam, góp phần làm đa dạng nền văn hóa dân tộc. Cùng với tiếng nói và chữ viết, trang phục truyền thống không những chứa đựng giá trị lịch sử, nhân văn, mà còn là nét văn hóa đặc trưng của đồng bào các dân tộc nói chung và tộc người Dao Quần Trắng nói riêng, góp phần tạo nên sự thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc anh em, khẳng định bản sắc văn hóa Việt Nam.

Trong phạm vi của đề tài của mình, tôi xin phép được nghiên cứu ở một góc nhỏ nhưng tiêu biểu đó là “Trang phục nữ người Dao Quần Trắng (xã Hùng Đức - huyện Hàm Yên - tỉnh Tuyên Quang)”. Có thể nói rằng sáng tạo ra trang phục, ra vẻ đẹp, đầu tiên có lẽ là nữ giới. Họ không chỉ là người tạo ra chúng, mà còn phát huy tối đa tài năng của mình để tạo ra bộ trang phục đó, từ hoa văn, màu sắc đến bố cục các họa tiết trang trí... Đồng thời họ cũng là người lưu giữ vốn văn hóa truyền thống đó.

Tìm hiểu về ý nghĩa của bộ trang phục, ngoài yếu tố ảnh hưởng của môi trường sống, hay kỹ thuật chế tạo ra nó, còn có những quan niệm về cái đẹp, tâm lý tộc người - chủ nhân của bộ trang phục. Những yếu tố đó tạo nên phong cách, cá tính, hình thức riêng của từng dân tộc, đó là dấu ấn mà tính truyền thống được lưu giữ qua nhiều thế hệ. Và khi nhìn dưới góc độ tiếp cận văn hóa học để chỉ ra cái riêng của bộ trang phục nữ, người ta có thể thấy được cái riêng của người Dao Quần Trắng, khi nhìn thấy sự khác biệt đó chúng ta có thể nhận ra nét bản sắc riêng hàm chứa trong nó.

Mặt khác, tiến trình văn hóa cũng là kết quả của một tiến trình lịch sử của dân tộc đó mà trang phục luôn lưu giữ một cách rõ nét nhất những tín hiệu lịch sử của dân tộc đó. Tìm hiểu về trang phục là tìm hiểu về cội nguồn, thị hiếu, gu thẩm mỹ thông qua những họa tiết, hoa văn, các môtip,

biểu tượng, hình ảnh, hay bố cục và cả màu sắc đó là tư duy nghệ thuật của cá nhân tộc người được thể hiện trên từng loại chất liệu vải, rồi phương phát dệt, nhuộm, bố cục các bộ phận trang phục cũng là những phát hiện vô cùng quan trọng.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Cho đến nay, có nhiều công trình nghiên cứu và xuất bản về người Dao Quần Trắng. Tuy nhiên, trong phạm vi luận văn này, tôi chỉ xin tập trung tổng quan tình hình nghiên cứu về trang phục nữ của người Dao Quần Trắng nói chung và trang phục nữ giới nói riêng, cũng như những nghiên cứu về vùng đất Tuyên Quang – đặc biệt là thôn Văn Nham – xã Hùng Đức – huyện Hàm Yên của tỉnh Tuyên Quang - địa bàn nghiên cứu của luận văn.

Về trang phục của người Dao Quần Trắng, đã có một số công trình nghiên cứu nhắc đến. Song chỉ là mục nhỏ trong các chuyên khảo hoặc một vài bài báo giới thiệu một cách tổng quát về trang phục của họ.

Do vậy, tư liệu còn rất sơ sài thiếu cụ thể, duy có cuốn “*Người Dao ở Việt Nam*” của Bé Viêt Đăng, Nguyễn Khắc Tụng, Nông Trung, Nguyễn Nam Tiến. Cuốn sách là một công trình khá đầy đủ và tổng quát về người Dao nói chung và Dao Quần Trắng nói riêng ở Việt Nam, là nguồn tư liệu quý, đáng tin cậy và cần thiết cho những ai quan tâm tới những dân tộc này. Cụ thể, các tác giả có đề cập đến trang phục của 7 nhóm người Dao ở Việt Nam, cuốn sách giới thiệu khá chi tiết về những nét chung của người Dao, cũng như hình thái kinh tế, sinh hoạt vật chất, sinh hoạt xã hội cũng như một số tục lệ chủ yếu trong đời sống của người Dao, rồi đến tôn giáo tín ngưỡng, văn học nghệ thuật và tri thức dân gian. Trong chương thứ ba, các tác giả đã viết về trang phục của người Dao nói chung và người Dao Quần Trắng nói riêng nhưng không nhiều, miêu tả khá sơ lược có 3 trang (từ trang 161 đến trang 163), trong đó tập trung miêu tả trang phục người phụ nữ như khăn, áo, yếm. Nhưng cũng chưa đi sâu vào khâu tả trang phục và hoa văn cũng như cách cắt may.v.v...

Tiếp theo là cuốn “*Trang phục cổ truyền của các dân tộc ở Việt Nam*” của phó giáo sư, phó tiến sĩ Nguyễn Khắc Tụng và tiến sĩ Nguyễn Anh Cường. Đó là một chuyên khảo về trang phục của các dân tộc Dao ở Việt Nam, tác giả cũng đề cập đến trang phục của các nhóm người Dao ở chương hai trong phần trang phục cổ truyền của người Dao ở Việt Nam, phần V có miêu tả về trang phục cổ truyền của nhóm Dao Quần Trắng – tập chung miêu tả trang phục của nữ giới và cách thức tạo ra bộ trang phục, gồm 6 trang (từ trang 66 đến trang 71). Cuốn sách cũng miêu tả khá kỹ về trang phục phụ nữ Dao Quần Trắng nói chung, là một tài liệu chi tiết cho tôi và những người quan tâm về trang phục của tộc người Dao Quần Trắng. Đây có lẽ là tác phẩm đầu tiên đề cập đến một số khía cạnh của trang phục của người Dao Quần Trắng nói chung và trang phục nữ nói riêng. Song chỉ dừng lại ở mức mô tả, chưa nghiên cứu dưới góc nhìn của một nhà nghiên cứu văn hóa, chưa đi sâu khai thác bộ trang phục nữ tiếp cận trên bình diện văn hóa.

Bên cạnh đó, những cuốn như “*Trang phục cổ truyền của người Dao ở Việt Nam*” của Nông Quốc Tuấn, hay cuốn “*Người Dao trong cộng đồng dân tộc Việt Nam*” của Trung tâm văn hóa – thông tin tỉnh Yên Bái – Đỗ Quang Tự - Nguyễn Liễn đồng chủ biên. Cũng có đề cập đến các loại trang phục điển hình của các nhóm Dao, nhưng cũng ở mức độ mô tả chưa khai thác sâu trên các bình diện nghiên cứu văn hóa.

Năm 1997, Bảo tàng văn hóa các dân tộc Việt Nam xuất bản cuốn “*Hoa văn trên vải các dân tộc thiểu số ở Đông Bắc Việt Nam*”, do Diệp Trung Bình làm chủ biên. Đây là cuốn sách nghiên cứu hoa văn trên vải của các dân tộc thiểu số ở Đông Bắc Việt Nam. Nhóm tác giả cũng đề cập đến một số nhóm Dao nhưng chỉ mới đề cập đến các hoa văn trên vải, chưa khảo tả y phục và đồ trang sức của người Dao.

Và trong quá trình tìm đọc tư liệu, tôi cũng có tìm hiểu thêm thông tin về văn hóa các tộc người và người Dao ở Tuyên Quang, cuốn “*Văn hóa truyền thống người Dao ở Hà Giang*” của Sở Văn hóa – Thông tin Hà Giang & Viện

Dân tộc học; cuốn “*Văn hóa phi vật thể của các dân tộc ở vùng lòng hồ thủy điện Tuyên Quang*” của Bộ Văn hóa Thông tin – Bảo tàng Văn hóa các Dân tộc Việt Nam; cuốn “*Các dân tộc thiểu số ở Tuyên Quang*” của Ban Dân tộc Tuyên Quang.v.v...

Tất cả những công trình nghiên cứu trên, đều mang những giá trị nhất định, gợi mở nhiều vấn đề về tộc người Dao nói chung và Dao Quần Trắng nói riêng để tôi tham khảo và định hướng rõ rệt cụ thể cho luận văn của mình. Đi sâu nghiên cứu dưới góc nhìn văn hóa thông qua bộ trang phục nữ của người Dao Quần Trắng ở thôn Văn Nham, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, tôi xác định đây là một đối tượng cụ thể, một địa bàn cụ thể, không quá rộng, vừa đủ sức để khảo sát và đưa ra những vấn đề cần quan tâm mang tính văn hóa, xã hội, tộc người thông qua bộ trang phục nữ.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Hiện nay, với nền công nghiệp hiện đại, cả xã hội đang đổi mới từng ngày, từng giờ, thêm vào đó là sự giao thoa, tiếp biến văn hóa giữa các tộc người, giữa miền ngược với miền xuôi ngày càng mở rộng... dẫn tới sự ảnh hưởng không nhỏ đến văn hóa truyền thống của các dân tộc, đặc biệt là trang phục cổ truyền. Do đó, sự mai một về văn hóa truyền thống là điều tất yếu trong đời sống hiện nay, một yếu tố đáng quan tâm. Vì vậy, nghiên cứu trang phục nữ giới của người Dao Quần Trắng là việc vô cùng cần thiết. Thông qua nghiên cứu, nhiều người nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc, phát huy cái hay, cái đẹp, một phần nào đó giúp những người chủ nhân của các bộ trang phục truyền thống thấy được giá trị và có ý thức gìn giữ, không để nó mai một theo thời gian.

Nghiên cứu bộ trang phục nữ là để giải mã những dung lượng thông tin văn hóa ẩn chứa bên trong nó. Trong cộng đồng người Dao Quần Trắng những thông tin văn hóa đó được thể hiện ở dưới nhiều dáng vẻ, nhiều góc độ khác nhau và bộ trang phục của nữ giới sẽ được nghiên cứu ở những góc độ sau:

+ Nghiên cứu trang phục của nữ giới để tìm ra cái hay cái đẹp, cái gọi là bản sắc riêng của tộc người đó. Qua đó để kế thừa và phát triển, để làm cho chủ nhân của nó cảm thấy cần giữ và trân trọng nó.

+ Đồng thời đem lại cho các nhà khoa học xã hội và nhân văn một nguồn tư liệu quan trọng góp phần tìm hiểu về xã hội của dân tộc đó trong quá khứ. Vì thông qua trang phục nói lên vị thế xã hội, thân phận, của các thành viên các giai cấp trong xã hội. Từ đó góp phần tìm hiểu trật tự xã hội của quá khứ và hiện tại.

+ Thông qua việc nghiên cứu đó sẽ đem lại nguồn tư liệu vô cùng quý giá đối với những người làm nghệ thuật, trong cách biểu hiện linh hồn, tinh hoa người Dao Quần Trắng lên tác phẩm nghệ thuật của mình, trong hội họa, sân khấu và điện ảnh.v.v...

+ Từ đó đưa lại cho những người làm nghề có thêm thông tin về góc thẩm mỹ để vận dụng vào đời sống sản xuất xã hội như: nghề công nghiệp dệt, may mặc, thời trang và khai thác phát triển du lịch.

+ Qua điền dã thực tế từng trường hợp cụ thể ở thôn Văn Nham, để thấy được những biến đổi trong trang phục của người Dao Quần Trắng và nó có những tác động gì đến phong tục tập quán của họ: trong đời sống phong tục tập quán, tang ma, cưới hỏi, lễ hội.v.v...

+ Đồng thời so sánh quan điểm về bộ trang phục giữa những người phụ nữ truyền thống trước kia và phụ nữ ngày nay thế nào trên các khía cạnh về vẻ đẹp, về sự tiện dụng, về sự biến đổi trong cuộc sống hiện tại.

Do đó, tôi đưa ra mục đích nghiên cứu cụ thể, tuy hướng đi không thật sự mới nhưng thiết thực với tình hình xã hội hiện tại, đồng thời hy vọng rằng đề tài sẽ đóng góp tư liệu cho những nghiên cứu sau, góp một phần nhỏ vào kho tàng kiến thức khoa học một cách ý nghĩa.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là nghiên cứu trường hợp trang phục nữ của người Dao Quần Trắng ở thôn Văn Nham - xã Hùng Đức - huyện Hàm Yên - tỉnh Tuyên Quang, đồng thời so sánh với một số người Dao Quần Trắng ở thôn khác. Phân tích thực trạng biến đổi trong trang phục nữ giới hiện nay, dẫn đến một số biến đổi trong đời sống sinh hoạt và công việc của họ.v.v...

4.2. Phạm vi nghiên cứu

+ Không gian: Không gian nghiên cứu là vị trí địa lý, người Dao Quần Trắng ở thôn Văn Nham - xã Hùng Đức - huyện Hàm Yên - tỉnh Tuyên Quang và một số thôn khác trong xã, như thôn Hùng Xuân, thôn Xuân Đức, thôn Đèo Tề, thôn Làng Phan.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn vận dụng cách tiếp cận nghiên cứu liên ngành văn hóa dân gian, lịch sử, nghệ thuật, thực tiễn cuộc sống...để thực hiện mục tiêu đặt ra của đề tài. Các phương pháp cụ thể:

- Phương pháp điền dã: khảo sát thực địa, quan sát tham dự chụp ảnh, khảo tả.v.v... ghi lại chi tiết những yếu tố phục vụ nghiên cứu.
- Phỏng vấn sâu bao gồm phỏng vấn hồi cố, thảo luận nhóm.
- Phương pháp bảo tàng học: khai thác thông qua các bộ sưu tập về hiện vật, hình ảnh, tư liệu được lưu trữ tại các bảo tàng ở Tuyên Quang.
- Phương pháp thu thập tư liệu gồm các tư liệu của các tác giả đi trước, tài liệu thứ cấp tại địa phương.

- Phương pháp hệ thống, phân tích, so sánh, đối chiếu, tổng hợp, thống kê.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Là công trình nghiên cứu có hệ thống, xuyên suốt đầu tiên về trang phục nữ của người Dao Quần Trắng ở xã Hùng Đức - huyện Hàm Yên - tỉnh Tuyên Quang. Cung cấp thêm nguồn tư liệu điền dã mới về dân tộc này, đồng thời

phân tích được những thực trạng biến đổi trong trang phục nữ của người Dao Quần Trắng hiện nay, tại một địa phương cụ thể. Qua đó, giúp người đọc thấy được vẻ đẹp của những bộ trang phục nữ, cũng như các loại hình hoa văn trên trang phục cổ truyền. Tôi hy vọng luận văn sẽ đóng góp phần nhỏ vào công tác nghiên cứu – sưu tầm, trưng bày – tuyên truyền về trang phục nữ của người Dao Quần Trắng ở Việt Nam, đồng thời đem lại nguồn tư liệu cho các nhà nghiên cứu khoa học xã hội và những người làm nghệ thuật trong từng lĩnh vực cụ thể của họ.

Kết quả nghiên cứu này góp phần khẳng định giá trị của trang phục nữ của người Dao Quần Trắng ở xã Hùng Đức - huyện Hàm Yên - tỉnh Tuyên Quang. Làm cơ sở cho việc định hướng các chính sách văn hoá, xã hội, giáo dục trong thời kỳ hội nhập sâu rộng như hiện nay. Đồng thời góp phần bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hoá tộc người Dao Quần Trắng trong lĩnh vực trang phục trong cộng đồng của họ.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, danh sách những người cung cấp thông tin, phụ lục, luận văn được bố cục thành 3 chương:

Chương 1: Tổng quan địa bàn nghiên cứu.

Chương 2: Trang phục nữ truyền thống của người Dao Quần Trắng và biến đổi.

Chương 3: Những giá trị và vấn đề biến đổi của bộ trang phục nữ người Dao Quần Trắng.

Chương 1

TỔNG QUAN ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

1.1. Người Dao Quần Trắng ở xã Hùng Đức và thôn Văn Nham

Nguồn gốc người Dao Quần Trắng, theo cuốn *Các dân tộc thiểu số ở Tuyên Quang* (1973), “gia phả của một số gia đình và những tài liệu khác như: *Bình hoàng khoán điệp*, *Quá hải đồ*, các sách truyện, sách cúng ma v.v... đề cập đến nguồn gốc của người Dao từ Trung Quốc di cư vào Việt Nam. Nhiều gia phả ghi rõ trước khi sang Việt Nam, người Dao đã ở Quảng Đông, Quảng Tây, có gia phả ghi ở Vân Nam (Trung Quốc). Trong các sách truyện, sách cúng ma thường nói đến nhiều địa danh ở Trung Quốc. Người chết đồng bào đưa hồn về Dương Châu đại điện hay về động Đào Nguyên. Nếu đúng vậy thì Dương Châu thuộc tỉnh Giang Tô, động Đào Nguyên thuộc tỉnh Hồ Nam của Trung Quốc. Như vậy, quê hương xa xưa của người Dao là ở Trung Quốc di cư sang Việt Nam rồi đến Tuyên Quang”. [3,tr.184].

Người Dao Quần Trắng từ Thái Nguyên, Vĩnh Phú sang Sơn Dương rồi chuyển cư dần ngược theo sông Lô lên Hàm Yên được gần 200 năm. Hiện nay xã Cấp Tiến (Sơn Dương) còn vài hộ người Dao Quần Trắng. [3,tr.188]

Dân tộc Dao (trước đây gọi là Mán) ở tỉnh Tuyên Quang đứng hàng thứ 3 sau Kinh và Tày. Hiện nay, dân tộc Dao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang có 9 ngành (nhóm): Dao đại bản hay gọi là Mán Đỏ (Dao Đỏ), Dao Tiểu Bản hay gọi là Dao Tiền, Mán Tiền, Dao Coóc Mùn hay gọi là Thanh Phán, Thanh Bản, Dao Quần Chẹt, Dao Lô Gang, Dao Coóc Ngáng, Dao Thanh Y, Dao Áo Dài và Dao Quần Trắng. [3,tr.181].

Theo cuốn *Các dân tộc thiểu số ở Tuyên Quang* (1973), mỗi ngành cư trú một vùng nhất định, có một vài ngành cư trú xen kẽ như Dao Đại Bản, Dao Tiểu Bản, Dao Coóc Mùn. Nói chung, người Dao ở xen kẽ với dân tộc khác, xen kẽ theo thôn xóm. Dao Đại Bản, Dao Tiểu Bản chủ yếu ở Nà Hang,

Chiêm Hóa. Dao Coóc Mùn ở Yên Sơn, Sơn Dương. Dao Quần Chẹt ở Sơn Dương, Dao Lô Gang chủ yếu ở Yên Sơn, Dao Coóc Ngáng, Dao Thanh Y cũng nhiều ở Yên Sơn, Dao Áo Dài sống tập trung ở Hàm Yên và Chiêm Hóa và Dao Quần Trắng ở 20 xã chủ yếu là Hàm Yên và Yên Sơn. [3,tr.183]

Dựa trên tư liệu của Ủy ban Nhân dân xã Hùng Đức, về vị trí địa lý xã nằm ở phía Nam huyện Hàm Yên. Trước cách mạng tháng Tám, xã Hùng Đức có tên gọi là xã Phong Nậm, sau cách mạng Tháng Tám đổi tên thành xã Hùng Đức. Xã Hùng Đức có 23 thôn bản, cùng 5 dân tộc chung sống và thêm rải rác một vài hộ dân tộc khác: Dao Quần Trắng, Kinh, Tày, Cao Lan, Hoa.v.v...

Thôn Văn Nham phía Bắc giáp thôn Thị, phía Nam giáp thôn Thanh Vân, phía Tây giáp thôn Tượn, phía Đông giáp thôn Khánh Hùng. Những thôn này phần lớn là người Kinh, Tày sinh sống. Có thôn Thanh Vân cũng là 100% người Dao Quần Trắng sinh sống. Thôn Văn Nham [xem phụ lục, ảnh số 3.2] với dân số: 68 hộ/315 khẩu, đồng bào ở đây 100% là người Dao Quần Trắng. Với diện tích tự nhiên khoảng 1 km². Trong đó, đất ruộng: 14,07 ha, còn lại là đất ở và hoa màu. Thôn Văn Nham có suối chảy qua, con suối bắt nguồn từ thôn 700, chảy qua thôn Khuôn Thắng, thôn Hùng Đức B, qua thôn Thanh Vân và chảy qua thôn Văn Nham. Con suối không có tên gọi. Thôn gần núi Nì và núi Mạ, có câu nói quen thuộc: "Ông núi Nì, bà núi Mạ", nhưng đồng bào ở đây không biết sự tích và xuất xứ liên quan đến 2 ngọn núi. Địa hình thôn bằng phẳng, thích hợp với việc trồng lúa nước, trồng hoa màu. (Theo nguồn thông tin của ông Lý Văn Chuyên, người già ở thôn Văn Nham.)

Các xã có người Dao Quần Trắng sinh sống khá nhiều nhưng tập trung đông nhất ở những xã như: Bạch Xa, Minh Khương, Phù Lưu, Thái Hòa, Tân Thành, Thành Long, Yên Lâm, Yên Phú, Yên Thuận - huyện Hàm Yên - tỉnh Tuyên Quang.

Những thôn 100% là người Dao Quần Trắng sinh sống như thôn 700, Khuôn Thắng, Đèo Tề, Quân ền, Xuân Hùng, Cây Sấu, Xuân Đức, Cây Thông, Cây Quéo, Khánh Xuân, Đồng Băm, Thanh Vân, Làng Phan, Thắng Bìn và thôn Văn Nham - xã Hùng Đức - huyện Hàm Yên - tỉnh Tuyên Quang

Trước khi đến Hùng Đức, đồng bào ở xã Thái Hoà, huyện Hàm Yên. Khi đến đây chỉ có 4 hộ là: Ông Lý Văn Phương, Ông Nguyễn Văn Nhất, Ông Đặng Văn Tòng, Ông Đặng Văn Mừng (theo gia phả của gia đình ông Lý Đình Quý có ghi chép lại thì họ cư trú ở đây đã được 4 đời: Ông: Lý Văn Phương - Bô: Lý Công Thành - Con: Lý Đình Quý - Cháu: Lý Thị Hồng...)

Với các họ: Lý, Bàn, Đặng, Vi, Triệu, là những dòng họ lâu đời và chủ yếu của người Dao Quần Trắng ở thôn Văn Nham cũng như trong toàn xã. Hiện tại trong thôn có thêm 2 người con dâu dân tộc khác về làm dâu, còn lại toàn bộ là người Dao Quần Trắng sinh sống. Từ khi thực hiện vận động định canh định cư, bản làng người Dao tương đối ổn định. Số lượng dân cư trong làng ngày một đông, quy mô của làng ngày càng tăng.

1.2. Đặc điểm về kinh tế

Dựa trên tư liệu của Ủy ban Nhân dân xã Hùng Đức [xem phụ lục, ảnh số 3.3] , thì hiện tại diện tích tự nhiên của toàn xã là 6.300 ha, dân số trên 8.400 người, với trên 70% là đồng bào dân tộc thiểu số. Trong điều kiện là một xã thuần nông, đất rộng, người đông, điểm xuất phát thấp, đời sống nhân dân còn khó khăn, cấp uỷ, chính quyền xã Hùng Đức đã lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng, vật nuôi, từng bước nâng cao đời sống nhân dân. Thu nhập bình quân đầu người của xã đạt 577 nghìn đồng/người/tháng. Hùng Đức là một xã nghèo, ngành nghề thủ công nghiệp chưa phát triển, tình trạng lao động thiếu việc làm lúc nông nhàn còn cao. Hiện nay, hoạt động sinh kế của người Dao Quần Trắng ở thôn Văn Nham theo mô hình trồng trọt, chăn nuôi, nghề thủ công, dịch vụ - thương mại và

khai thác các nguồn lợi từ tự nhiên, trong đó canh tác nông nghiệp chiếm vai trò chủ đạo (70%).

Sống ở khu vực miền núi, người Dao Quần Trắng lấy việc trồng trọt lúa nước ở ruộng là chính. Từ rất sớm họ đã biết tận dụng những khu vực có mặt bằng tương đối bằng phẳng trong thung lũng và khắp mọi nơi gần nguồn nước để làm ruộng. Bộ dụng cụ canh tác lúa nước truyền thống của người Dao Quần Trắng gồm; cày chia vôi, bừa răng tre, bừa răng gỗ, dao cắt lúa, cào cỏ, hái...

Việc làm thủy lợi khá phát triển, như đập ngăn nước, mương phục vụ công việc trồng lúa nước cũng đủ đưa nước về đồng rộng của người dân.

Trước đây, lúa nếp là cây lương thực chính dùng trong bữa ăn hàng ngày, trong các nghi lễ, dùng làm rượu cần và cơm lam... Sau này, do dân số tăng, năng suất lúa nếp lại không cao nên các giống lúa tẻ có năng suất cao được thay thế dần và phổ biến hơn.

Bên cạnh việc canh tác lúa nước, người Dao Quần Trắng còn làm nương trên các sườn đồi, sườn núi. Nương được dùng để trồng ngô, khoai, sắn, lạc, rau các loại.

Những năm gần đây, ngoài cây lúa, cây keo và cây chè là hai loại cây công nghiệp được người dân rất chú trọng, diện tích trồng Keo không ngừng tăng lên, đem lại nguồn thu nhập đáng kể, nâng cao đời sống của người dân.

Bên cạnh trồng trọt, chăn nuôi cũng là nguồn thu nhập đáng kể. Ngoài các con vật nuôi truyền thống như trâu, bò, gà, lợn, vịt, ngan... Ngày nay, người Dao Quần Trắng đã biết chăn nuôi nhưng con vật mới như: dê, bò lai, thỏ, ong, chim ... Đặc biệt, có một loại lợn rất nổi tiếng mà đồng bào gọi là lợn cheo hay lợn lửng, lợn Mán, dáng lợn không to, được thả rông, chỉ nặng từ 10 – 15 kg có giá bán cao hơn các loại lợn khác, giúp củng cố kinh tế hộ gia đình.

Cùng với trồng trọt và chăn nuôi, nghề thủ công truyền thống tương đối phát triển, không những đáp ứng nhu cầu tự cung tự cấp mà được sử dụng để trao đổi, mua bán với những vùng khác. Trong các nghề thủ công truyền thống phải kể đến nghề dệt và nghề đan lát. Đây là những sản phẩm thiết yếu trong đời sống gia đình. Trong đó, những sản phẩm dệt thường gắn với những trang phục sử dụng trong đời sống hàng ngày, các tập quán trong đám tang, đám cưới truyền thống. Tuy nhiên, do sự phát triển của nền kinh tế thị trường, nghề dệt của người Dao Quần Trắng ở Hùng Đức nói chung và ở thôn Văn Nham nói riêng đang bị mai một nhanh chóng.

Trước đây nghề đan lát là nghề phụ khá đặc trưng của người Dao Quần Trắng, cung cấp cho gia đình toàn bộ đồ dùng bếp và vận chuyển. Ngoài ra, trong đám cưới, lễ hội và đời sống tâm linh, các sản phẩm đan lát cũng giữ một vị trí rất đặc biệt. Ví dụ, mâm đan bằng cây song, mây để bày món ăn tế lễ tổ tiên... trong ngày Tết, hộp đựng đồ cá nhân cho cô dâu về nhà chồng trong ngày cưới... Nhưng hiện nay, những gia đình sử dụng đồ đan lát không nhiều, phần lớn là đồ cũ không sử dụng mấy của ông bà để lại, chủ yếu thay bằng đồ nhựa, đồ nhôm mua ngoài chợ.

Trong thôn không có cửa hàng tạp hóa nào, mà người dân trong thôn phải đi xa cách tầm 1km, khu trung tâm hơn, thì ở đó sẽ bán những vật dụng sinh hoạt cho người dân, từ đồ phục vụ ăn uống, đến may mặc, rồi phân bón... Trung tâm của xã là nằm trên trục đường chính, ở đây có Ủy ban xã, trường học cấp 1, cấp 2, trường mầm non, trạm y tế, chợ (chợ phiên Hùng Đức, họp vào sáng thứ 5 hàng tuần) và các hộ kinh doanh nhỏ.

Trước kia, đồng bào ít trồng rau quanh nhà, hầu hết rau ăn đều do người phụ nữ đi hái ở rừng về. Nhưng ngày nay, nhà nào cũng có vườn rau, ao cá, nuôi thả gà vịt, nuôi trâu bò, quanh nhà để phục vụ nhu cầu cuộc sống và làm kinh tế nông nghiệp.

Nhìn vào mặt bằng kinh tế của xã, hầu như là kinh tế nông nghiệp, có trồng đồi rừng, nhưng không nhiều nên thu nhập cũng không bao nhiêu. Đương nhiên cùng với sự phát triển kinh tế của toàn huyện thì so với trước đây, đời sống người dân có khá hơn đôi chút, nhưng phần lớn lao động trẻ trong xã nếu không có bằng cấp gì thì chỉ có đi làm thuê, buôn bán hoặc làm ruộng. Nên nhìn chung, toàn xã đời sống người dân chỉ đủ sống ở mức thấp. Dù những năm gần đây đồng bào đã chú trọng việc tận dụng những sản vật thiên nhiên của núi rừng như mây tre đan, các loại cây làm thuốc nam.v.v... để góp phần phát triển kinh tế, nâng cao đời sống, nhưng cũng chỉ là làm thủ công từng hộ gia đình tự phát nhỏ lẻ, nên bước đầu chỉ phần nào đáp ứng nhu cầu cuộc sống, chưa nhân rộng mô hình tập thể để phát triển kinh tế cộng đồng.

1.3. Đặc điểm về xã hội

- Thiết chế xóm, làng

Theo truyền thống, người cùng dòng họ thường ở khu vực riêng, và tâm lý các anh em ruột thích cư trú gần nhau. Chính tâm lý này là một trong những nguyên nhân khiến người Dao Quần Trắng di dân tự do thường kéo anh em ruột thịt đi cùng. Hiện nay do dân số tăng nhanh, nhu cầu lập gia đình và tách hộ nhiều hơn nên các gia đình mới tách hộ ở xen với các dòng họ khác.

Theo quy định, trên vùng đất do từng thôn quản lý, các gia đình được quyền khai thác và sử dụng đất để canh tác. Ngày nay, đất nương đồi đều do xã quản lý, xã phân cho từng thôn diện tích mà thôn đó ở và được thuê đất đồi để trồng cây công nghiệp. Nếu là đất của từng hộ gia đình do ông cha để lại thì việc trồng trọt và khai thác là do người chủ tự quyết định. Đất công do từng xóm quản lý (đường sá, nghĩa địa, bãi chăn nuôi...) mọi thành viên trong cộng đồng đều phải có trách nhiệm bảo vệ. Hàng năm, mỗi gia đình cử một người đi tu sửa đường sá trong thôn, ai làm hỏng đường phải bỏ công sức sửa

chữa lại. Người ngoài thôn muốn đến cư trú, làm ăn sinh sống trên đất của thôn phải được sự đồng ý của trưởng thôn và có khai báo với xã.

Bên cạnh những quy ước trên, trong cưới hỏi, tang ma.v.v... người Dao Quần Trắng cũng có những quy định rất cụ thể. Tất cả các quy ước đó tuy là truyền miệng nhưng đã trở thành luật tục của riêng cộng đồng, là cơ sở pháp lí của bộ máy tự quản. Chính những quy định đó làm cho mọi người sống với nhau có quy tắc hơn, làm cho cộng đồng người Dao Quần Trắng ở thôn Văn Nham vận hành có hiệu quả hơn.

- Tính cộng đồng

Tính cộng đồng và tinh thần tương trợ, giúp đỡ nhau trong đời sống vẫn đang tồn tại. Đến làng người Dao Quần Trắng chúng tôi thường thấy các hình thức tương thân, tương trợ như tập hợp nhóm gia đình, có thể từ 2 đến 5 gia đình thường là anh em cùng dòng họ, cùng góp công, góp giống, cùng gieo lúa, trồng ngô, trồng keo.... Để tiện chăm sóc và thu hoạch, người ta thường đổi công với nhau giữa các nhà trong họ hoặc hàng xóm với nhau, vài ba nhà đến cày, cấy giúp cho một nhà, làm nhà mới, lo việc cưới xin, tang ma. . .

Các thành viên trong thôn người Dao Quần Trắng còn gắn kết với nhau bằng hình thức sinh hoạt tinh thần trong các lễ hội tín ngưỡng. Biểu hiện rõ nét qua lễ Đám Chay, lễ Cấp sắc đây là một tập tục có từ lâu đời. Đây là sinh hoạt mang tính cộng đồng rất rõ, mọi chi phí cho buổi lễ ngoài gia đình, còn có sự đóng góp của anh em, họ hàng, làng xóm.

Tính liên kết trong cộng đồng đã được hình thành từ lâu trong xã hội người Dao Quần Trắng. Mỗi khi gia đình nào đó trong làng có việc thì những gia đình lân cận và thanh niên trong xóm sẽ sang giúp đỡ . Tính cộng đồng còn được biểu hiện chặt chẽ hơn trong mỗi một dòng họ. Ví dụ, như sự tương trợ lẫn nhau về tiền của mỗi khi một gia đình nào đó trong họ có ai qua đời. Việc đóng góp này sẽ được bổ đầu cho mỗi chi trong họ. Và người có trách

nhệm kêu gọi các chi trong họ cùng nhau đóng góp tiền của giúp đỡ gia đình đó là ông trưởng họ. Và cứ như vậy, trong mỗi dòng họ, tập quán đó được truyền từ đời này qua đời khác.

- Về hôn nhân và gia đình dòng họ

+ Gia đình

Trước đây, trong gia đình người Dao Quần Trắng, người chồng, người cha có quyền quyết định tất cả mọi việc và con trai bao giờ cũng được chú ý hơn con gái. Nếu trong một gia đình đông con trai, cha mẹ thường sống với con trai trưởng hoặc con trai út. Sau khi cha mẹ qua đời, tài sản chia đều cho các con trai mặc dù trong số các anh em trai thì trách nhiệm phần lớn thuộc về anh trai trưởng.

Phân công lao động trong xã hội người Dao Quần Trắng theo giới tính và theo lứa tuổi đã được hình thành từ lâu. Trước đây, việc đồng áng chủ yếu do người vợ và các cô con gái đã lớn đảm nhiệm, người chồng ngoài việc phát nương, làm rẫy, dựng nhà cửa, tham gia công việc chung của làng còn nắm tài chính, các khoản chi tiêu và quyết định tất cả mọi công việc lớn, nhỏ trong gia đình, người vợ chỉ biết lắng nghe và thừa hành. Còn người phụ nữ ngoài việc đồng áng, phải chăm lo gia đình, đảm đương công việc nội trợ, thuê thùa, chăm sóc con cái...

Đến nay, trong xã hội người Dao Quần Trắng đã có nhiều thay đổi, những người chồng cùng chung sức chia sẻ với vợ công việc đồng áng. Do vậy, người phụ nữ Dao Quần Trắng trong gia đình ngày nay được coi trọng hơn. Họ được nắm tài chính và chi tiêu. Hơn thế nữa họ còn có quyền tham gia đóng góp ý kiến mỗi khi gia đình có việc quan trọng, họ được tham gia các tổ hội của thôn, như hội phụ nữ thôn. Như hội phụ nữ thôn Văn Nham, hội phụ nữ xã Hùng Đức, các chị em sinh hoạt vào tối thứ 7 hàng tuần hoặc lúc rảnh rỗi, có khi chỉ năm bảy người trong hội có thời gian cũng ngồi trò chuyện

cùng nhau, chia sẻ kinh nghiệm làm ruộng, vụ tới cấy giống lúa gì, mua phân bón loại gì, ở đâu, kinh nghiệm trồng màu như thế nào, hay chuyện con trẻ học gì.v.v...

Từ lâu, trong mỗi gia đình của người Dao Quần Trắng, dù có ba hay bốn thế hệ cùng chung sống thì trong nhà không được phép xây hai bếp, nấu hai nồi cơm. Nếu gia đình nào xây hai bếp, cha mẹ con cái nấu hai nồi cơm sẽ bị hàng xóm dị nghị, chê cười. Tất cả mọi người trong gia đình cùng nhau làm việc, cùng chi tiêu và cùng nhau hưởng thụ những thành quả đã làm ra.

+ Dòng họ

Người Dao Quần Trắng có họ Lý, Bàn, Đặng, Vi, Triệu. Theo quan niệm của người Dao Quần Trắng, những người cùng một ông tổ sinh ra được coi là cùng một dòng họ. Những người cùng dòng họ phải sau bảy đời anh em trong dòng họ mới được phép kết hôn với nhau.

Đối với mỗi dòng họ, hệ thống các tên đệm không chỉ là dấu hiệu để nhận biết anh em họ hàng, mà qua đó còn biết được mức độ và khung thời gian cấm kết hôn trong dòng họ mình.

Người Dao Quần Trắng sống theo gia đình nhỏ, phụ quyền, hiếm có gia đình lớn nhiều thế hệ. Thông thường sau khi cưới được ít lâu hoặc có con họ sẽ làm nhà riêng để ở. Trong lao động thì phụ nữ vẫn giữ việc bếp núc, tùy theo sức lực mà làm. Đặc biệt phụ nữ người Dao Quần Trắng rất giỏi làm ruộng họ đều thông thạo cày bừa, cấy gặt, nam giới cũng biết cày.

Nói chung, quan hệ xã hội và gia đình người Dao Quần Trắng chú trọng vai trò của người trưởng gia đình, trưởng dòng họ, vai trò của thầy cúng.

1.4. Một số đặc điểm về văn hóa

- Đồ ăn, đồ uống

Sinh hoạt thường ngày của người Dao Quần Trắng không có gì đặc biệt, ngày trước đồng bào hay ăn cơm nếp, nhưng giờ bữa cơm cũng ăn cơm tẻ như

người kinh. Đặc biệt là người Dao Quần Trắng rất giỏi làm các loại bánh từ gạo nếp, thường trong những dịp lễ tết, thường ngày họ cũng làm nhưng không nhiều. Như: *Bánh chưng (dù vầy)*, *bánh mật (dù coòng)*, *bánh gio (dù chia)*, *bánh nẳng (dù ngằm)*, *bánh dày (dù tàu)*... Đặc biệt người Dao Quần Trắng còn biết làm *bún (vấn)*. Các món *Xôi (xàng pé)* cũng rất phong phú, nhiều màu sắc, hương vị đặc trưng, như: *Xôi trắng (xàng pé)*; *Xôi xanh (xáng mêng)*; *Xôi tím (cũng gọi là xáng mêng, vì đồng bào cho rằng đó cũng là màu xanh nhưng đậm hơn)*; *Xôi đỏ (xáng thi)*; *Xôi vàng (xáng vãng)*.

Cũng giống như những dân tộc thiểu số khác người Dao Quần Trắng cũng làm *Com lam*: Sử dụng nửa tếp và gạo nếp và cả gạo tẻ (thường làm khi đi làm nương rẫy)

Những món ăn truyền thống được người Dao Quần Trắng ở thôn Văn Nham chuẩn bị trong ngày lễ, Tết... vẫn duy trì đến ngày nay. Ông Lý Đình Quý, 68 tuổi ở thôn Văn Nham, cho biết: “Ở thôn này, những ngày lễ, Tết, cúng, giỗ vẫn làm những món đó, thường do phụ nữ trong nhà làm, phụ nữ tộc người mình đều biết làm những món ăn truyền thống này, nhưng bọn trẻ giờ ít biết hơn xưa rồi”.

Từ xưa người Dao Quần Trắng có thói quen uống nước lã được lấy từ mạch nước nguồn. Ngày nay họ đã biết trồng chè, trồng vối và pha nước uống, bên cạnh đó có thêm các loại lá rừng về đun nước uống rất có lợi cho sức khỏe. Ngoài ra, phải kể đến rượu sắn, rượu ngô, rượu gạo là đồ uống truyền thống của người Dao Quần Trắng, dùng để uống trong gia đình, trong các cuộc vui, để tiếp khách hoặc là lễ vật quan trọng trong các buổi cúng lễ, trong các dịp hội hè, lễ tết, trong đám tang hoặc đám cưới. Ngày nay, không có nhiều ruộng trồng sắn và ngô nữa, nên người dân chủ yếu nấu rượu gạo để sử dụng.

- Nhà ở

Người Dao Quần Trắng sống chủ yếu ở các thung lũng ven chân núi. Họ cư trú thành từng xóm với những nóc nhà sàn nhỏ xinh. [xem phụ lục, ảnh số 3.1]. Ngày nay cùng với sự cạn kiệt tài nguyên rừng và sự phát triển của nền kinh tế thị trường, ngôi nhà sàn truyền thống dần bị thay thế bằng những ngôi nhà trệt hoặc vẫn là nhà sàn nhưng nguyên vật liệu là xi măng, cốt thép. Bên cạnh thế hệ trẻ thích ở nhà xây, thì người già vẫn thích ở nhà sàn vì họ cho rằng không gian nhà sàn vừa thoáng, mát và mùa hè và ấm vào mùa đông. Nhà sàn trong thôn còn khá nhiều, khoảng hơn 30 nóc nhà. Như nhà sàn của ông Lý Văn Chuyên, 68 tuổi, thôn Văn Nham đã ở được 3 đời, ước tính khoảng trăm năm. Những nhà sàn lâu đời trong thôn như vậy chỉ có khoảng 10 nhà. Còn lại là nhà sàn mới cất, kiểu nhà sàn nhưng làm bằng cột bê tông, lát gạch hoe. Phần mái, có nhà lợp lá cọ cho mát; có lợp ngói, có nhà xây lên thành hai tầng. Những nhà ngôi nhà sàn mới phần lớn là nhà làm thêm cho con cái khi lấy vợ, lấy chồng ra ở riêng.

- Nghệ thuật dân gian

Theo báo Yên Bái của tác giả Vũ Đồng (2014) viết về người Dao Quần Trắng ở Yên Bái thì trong âm nhạc có múa: múa “Mười hai con giáp”, múa cầu, báo cáo, tạ ơn trong lễ hội cầu mùa. Các nhạc cụ: sáo nứa, sáo mũi, tù và sừng trâu, đàn nứa. Nhưng ở xã Hùng Đức, thôn Văn Nham, đồng bào chỉ sử dụng trống “trống bông” trong dịp Tết khi cúng, mỗi khi hết câu lại gõ một tiếng trống như để ngắt câu. Nay vẫn được các cụ trong thôn sử dụng mỗi dịp đọc sách cúng trong ngày lễ Tết và theo cuốn *Các dân tộc thiểu số ở Tuyên Quang* (1973), viết về loại “kèn Tổ sâu”, người ta thổi kèn trong đám cúng ma [3,tr.230]. Ngày nay, không thấy ai thổi kèn *Tổ sâu* ở thôn Văn Nham, chúng tôi hỏi các cụ, họ cũng không biết về loại kèn này.

Ông Triệu Văn Hiện, 56 tuổi, thôn Văn Nham, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, giải thích với chúng tôi theo tiếng của dân tộc Dao, *Páo dung* có nghĩa là *ca hát*. Ở từng nhóm người Dao khác nhau thì điệu Páo dung cũng có sự khác nhau trong biểu diễn. Páo dung ở các nhóm người Dao Quần Trắng, Áo Dài ở huyện Hàm Yên, Yên Sơn là âm điệu kéo dài, trầm. Người Dao Đỏ, Dao Tiền ở huyện Lâm Bình, Na Hang, Chiêm Hóa, Hàm Yên và Dao Quần Chẹt ở huyện Sơn Dương có làn điệu bổng. Các làn điệu Páo dung của người Dao đều có cùng nội dung đề cao tinh thần lao động sáng tạo, đạo đức, lễ sống, phép ứng xử, ca ngợi thiên nhiên, tình yêu đôi lứa. Thời gian tổ chức hát thường vào lúc nông nhàn, khi Xuân về, Tết đến.

- Tín ngưỡng nông nghiệp

+ Một loại hình tín ngưỡng dân gian quan trọng đó là “Lễ cúng thổ công làng” (*Song giăng ngoan*): Nghi lễ này được thực hiện tại ngôi miếu của làng vào các ngày: mùng 2/2; 6/6 và 26 tháng Chạp (âm lịch). “*Đây là nghi lễ quan trọng trong năm của người Dao, nên cả thôn này rất coi trọng để lo liệu cho thật đầy đủ, tươm tất, vui lắm vì mọi người đều cùng làm, cùng ăn uống với nhau cả ngày.*” (Triệu Văn Hiện, 56 tuổi, thôn Văn Nham). Người thực hiện nghi lễ là *ông Trùm* của làng. Ông Trùm là người được dân làng tín nhiệm bầu, thời gian làm là 3 năm. Hết 3 năm nếu làng vẫn tín nhiệm thì làng phải cử người đem đến nhà ông trùm 1 con gà, xin lễ tổ tiên để xin ông trùm được làm tiếp.

+ Các lễ, tết trong năm vẫn được đồng bào người Dao Quần Trắng thực hành đầy đủ, như:

Tết nguyên đán, cũng giống tết của người Kinh, đồng bào bắt đầu chuẩn bị tết từ 25 tháng chạp đến 30 tháng chạp.

Tết mùng 3/3 (Đi mêng sáng) với những món ăn để cúng tổ tiên được chuẩn bị kỹ lưỡng, từ làm xôi đỏ, xôi xanh, xôi tím, xôi vàng, xôi trắng. Lễ

cúng không thể thiếu gà luộc, nếu không có gà thì thay bằng trứng gà luộc và thịt lợn, thể hiện ý nghĩa đã đến mùa cấy mới, cầu mong cho mưa thuận gió hòa, làm ăn khấm khá cho dân làng.

Tết 14/7 (Tết nhật dú): Lễ cúng có gà, bánh chưng. Lúc này họ đã cấy xong lúa nước và làm cỏ nương. Tết này có ý nghĩa là để liên hoan mừng cho việc cấy lúa đã xong. Với người Dao Quần Trắng ở thôn Văn Nham, tết tháng 7 âm lịch là quan trọng nhất, vui vẻ rộn ràng nhất, bởi lúc này thóc đã đầy bồ, ngô, khoai đều sẵn, cuộc sống có phần no đủ hơn ngày thường, nên đồng bào làm lễ ăn mừng rất to.

Tết 9/9 (Chú nhật xằng bèo nằng): Đồng bào làm xôi xanh (bằng lá gừng), gà, rượu trình báo tổ tiên ăn cơm mới. Lúc này lúa tẻ (ré) và nếp nương đã gặt. Trong tết này đồng bào còn thường làm bún để ăn. Người cao tuổi trong gia đình nếm thức ăn trước, sau đó con cháu mới được ăn.

Lễ Đám chay, nét văn hóa độc đáo vẫn được người Dao Quần trắng ở xã Hùng Đức duy trì như một hình thức để giáo dục thế hệ sau hướng về truyền thống cội nguồn của dân tộc. Lễ Đám chay thường được tổ chức vào cuối năm hoặc đầu năm mới. Ông Lý Văn Chuyên, ở thôn Văn Nham, xã Hùng Đức cho biết: "*Lễ Đám chay của người Dao Quần trắng mang ý nghĩa tâm linh sâu sắc. Bà con cho rằng, bày tỏ sự kính trọng với người đã khuất, gia đình người quá cố làm lễ gọi là lễ Đám chay (thường được tổ chức cho ông bà, cha mẹ khi đã khuất núi).*" Lễ Đám chay được coi là *cầu nối* để người mới mất nhập tụ với tổ tiên. Bà con quan niệm rằng, cái chết chỉ là sự mất đi về thể xác còn linh hồn thì còn mãi.

Lễ Cấp sắc là một trong những nét văn hóa truyền thống đặc sắc nhất của người Dao nói chung và Dao Quần Trắng tỉnh Tuyên Quang nói riêng. Theo quan niệm lễ Cấp sắc là một thủ tục không thể thiếu của người đàn ông. Đối với người đàn ông dân tộc Dao Quần Trắng, được cấp sắc mới được coi là

người đàn ông đã trưởng thành và có đủ thẩm quyền tham gia các công việc của cộng đồng như thầy cúng, ông mối làng.

- Nghi lễ tang ma, cưới hỏi

Tang ma là việc hiếu quan trọng của mỗi gia đình, nhưng cũng là việc chung của cả thôn, bởi đời sống cộng đồng ở đây rất khăng khít. Người Dao Quần Trắng làm ma đơn giản, mời thầy cúng đến để cúng cho hồn người chết lên thiên đường, sau đó gia đình tự cúng lấy, chỉ làm một đêm, thịt vài con lợn, không có xe tang, nơi chôn cất thường được chọn hướng. Có họ chôn đỉnh núi, có họ chôn ngang núi.

Lễ cưới của người Dao Quần Trắng (theo tiếng Dao gọi là *áy cón*) truyền thống của người Dao quần trắng được diễn ra trong 3 ngày 2 đêm. Đến nay người Dao Quần Trắng vẫn luôn quan niệm lấy nhau là số mệnh, nên họ luôn xem số và tin vào những điềm xấu trong lúc dạm hỏi: xem chân gà, đi đường không gặp rắn, cây không đổ ngang đường .v.v...và đêm ngủ ở nhà gái gà không gáy gở. Trong lễ cưới, người Dao Quần Trắng đều mặc trang phục truyền thống và những nghi thức được diễn ra đầy đủ theo đúng phong tục.

Vào lễ cưới, trước khi sang nhà gái, nhà trai cử một đoàn đi đón dâu với số lượng bắt buộc là 11 người trong đó có trưởng đoàn, chủ hôn, chú rể, phù rể và các nam thanh niên trẻ, khỏe có tài hát đối đáp. Chú rể được trùm lên đầu chiếc áo vàng (*Guý vàng*) [xem phụ lục, ảnh số 3.31] để tượng trưng cho những cánh long, cánh phượng che chở cho chú rể.

Đến giờ đã định, sau khi đã trang điểm xong thì cô dâu sẽ lên buồng, dùng quạt để che mặt và thầy mờ của nhà trai choàng cho cô dâu chiếc áo vàng mà chú rể đã mặc hôm qua, còn đoàn nhà trai sẽ đứng hát xin dâu. Người Dao Quần Trắng quan niệm, khi đi lấy chồng thì cô dâu không được để hở mặt ra bởi như thế sẽ mất vía và cô dâu sẽ không gặp may trong suốt cuộc đời. Ra đến cửa, thầy cúng sẽ làm phép để xin cô dâu ra khỏi nhà được bình an. Theo

phong tục của người Dao Quần Trắng thì dù xa hay gần, khi sang đến nhà trai, đoàn nhà gái cũng phải nghỉ lại ở đâu đó rồi đến giờ hoàng đạo (thường là vào khoảng 5h – 6h chiều) thì cô dâu mới được lên nhà trai. Đó là khoảng thời gian tốt nhất cho cô dâu và chú rể sau này.

Qua lời kể của anh Lý Văn Kết, 45 tuổi, trưởng thôn Văn Nham, thời gian gần đây, chỉ còn rất ít gia đình trong thôn Văn Nham thực hiện những nghi thức trên nhưng cũng không đầy đủ. *“Ngày nay nhiều gia đình không tổ chức đám cưới truyền thống nữa, họ làm đám cưới như người kinh, cô dâu mặc váy cưới trắng, làm tóc cài hoa, đeo vòng vàng, mỹ ký, rước dâu bằng xe máy, trong lễ cưới có dàn nhạc với những bài hát thị trường sôi động vui vẻ, không nhiều tập tục như đám cưới truyền thống nữa”*.

Tiểu kết chương 1

Trang phục là thành tố quan trọng của văn hóa vật chất chứa đựng thông tin về văn hóa tộc người. Với địa bàn nghiên cứu thôn Văn Nham, xã Hùng Đức tỉnh Tuyên Quang có 100% người Dao Quần Trắng. Trên cơ sở xác định cụ thể mục đích nghiên cứu để tiến hành nghiên cứu về bộ trang phục nữ bản thân tôi đã có sự lựa chọn phương pháp, cách tiếp cận cho đề tài luận văn cùng đối tượng, phạm vi nghiên cứu cụ thể là trang phục nữ của người Dao Quần Trắng, ở thôn Văn Nham, rồi mở rộng địa bàn nghiên cứu ra một vài thôn trong xã Hùng Đức, để so sánh và đưa ra những nhận xét nhiều chiều.

Cùng với việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: phương pháp điền dã, phỏng vấn sâu bao gồm phỏng vấn hồi cố, thảo luận nhóm, phương pháp bảo tàng học: khai thác thông qua các bộ sưu tập về hiện vật, hình ảnh, tư liệu được lưu trữ tại các bảo tàng ở Tuyên Quang, phương pháp thu thập tư liệu gồm các tư liệu của các tác giả đi trước, tài liệu thứ cấp tại địa phương.v.v... có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, quyết định kết quả nghiên cứu, giúp cho luận văn có một cái nhìn tổng thể về trang phục nữ của người Dao

Quần Trắng qua đó thấy được quá trình biến đổi gắn với môi trường sinh thái nơi họ sinh sống, thông qua sự biến đổi về đời sống kinh tế, xã hội, văn hóa trong nội tại tộc người Dao Quần Trắng, để từ đó lý giải tại sao trang phục của họ biến đổi.

Luận văn đi từ: Tổng quan các vấn đề nghiên cứu, khái quát những vấn đề của những tác giả đi trước, trên cơ sở đó đưa ra hướng đi riêng. Trên cơ sở đặc điểm kinh tế, xã hội như: thiết chế xóm, làng, tính cộng đồng làng xã, về hôn nhân và gia đình dòng họ của người Dao Quần Trắng, rồi khái quát đặc điểm về văn hóa như: đồ ăn, đồ uống, nhà ở, nghệ thuật dân gian, tín ngưỡng nông nghiệp, nghi lễ tang ma, cưới hỏi. Để thấy được yếu tố thực tế của địa bàn nghiên cứu hiện giờ họ đang sống ra sao, họ làm những nghề gì, đời sống kinh tế như thế nào, thực trạng những vấn đề xã hội ở xã ra sao, từ đó ảnh hưởng đến quá trình tiếp biến văn hóa như thế nào và ảnh hưởng trực tiếp đến sự mai một của bộ trang phục nữ truyền thống.

Có cái nhìn toàn cảnh về đời sống của người Dao Quần Trắng, từ đó dần tìm hiểu bộ trang phục truyền thống của họ ra sao, đẹp ở chỗ nào, nhìn sâu hơn ta sẽ thấy những giá trị mà bộ trang phục mang lại, không chỉ là tính ích dụng trong đời sống hàng ngày mà còn là những giá trị thẩm mỹ, giá trị văn hóa xã hội, vị trí và vai trò của người phụ nữ trong gia đình và xã hội.v.v... vậy nhưng ngày nay nó đã biến đổi như thế nào và còn lại bao nhiêu những giá trị của truyền thống, để từ đó đưa đến vấn đề cho những người làm văn hóa nên làm gì để bảo tồn những giá trị đó.

Chương 2

TRANG PHỤC NỮ TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI DAO QUẦN TRẮNG VÀ BIẾN ĐỔI

2.1. Quá trình làm ra bộ trang phục

2.1.1. Quá trình trồng bông, dệt vải

Vẻ đẹp của bộ trang phục nữ truyền thống của người Dao Quần Trắng nói riêng hay các dân tộc nói chung, không chỉ dừng ở hình dáng, hoa văn trang trí, màu sắc, mà còn thể hiện ở chất liệu và quá trình lao động để tạo nên được mảnh vải với sắc chàm. Để làm ra được bộ trang phục truyền thống, người Dao Quần Trắng phải qua nhiều công đoạn, như: trồng bông, xe sợi, dệt vải, nhuộm chàm, thêu hoa văn và cắt may.v.v...

- Trồng bông, xe sợi.

Không biết từ khi nào cây bông đã xuất hiện ở làng người Dao Quần Trắng theo những người già trong làng kể lại, từ thuở sơ khai họ đã được dạy cách trồng bông dệt vải, những kỹ thuật trồng bông, dệt vải để là truyền miệng từ đời này sang đời khác: Cây bông để dệt vải gọi là *bui* (bông vải) [xem phụ lục, ảnh số 3.4], quả bông thường to bằng hoặc to hơn ngón chân cái. Người Dao Quần Trắng thường trồng bông sau tết, khoảng tháng 3 âm lịch. Trước khi trồng, họ phải xem ngày. Theo lịch của người Dao, một tháng có 30 ngày được chia thành ngày xấu và ngày tốt: ngày tiểu yên và ngày phúc sinh là ngày tốt; Sau ngày đó là ngày xấu.

Cây bông được khoảng hơn 3 tháng thì thu hoạch, vào khoảng tháng 6,7 khi quan sát nương bông, thấy những quả bông nẻ ra, trắng phau, là lúc bông đã già quả. Bông thu làm nhiều đợt “Khi thu hoạch, kỵ nhất ngày mưa, mưa sẽ làm cho bông không nở được. Hoặc nếu bông đã nở rồi, khi thấy trời có vẻ sắp mưa là phải đi thu ngay, nếu không bông dính nước mưa sẽ bị đen, hỏng

hết” (Hoàng Thị Tham, 68 tuổi, thôn Văn Nham, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang).

Trước đây, hầu như nhà nào có khung dệt, thường có một nương bông, khoảng 30 – 50 m², thu được khoảng 20 -30 kg bông cả hạt. Sau khi thu về, đổ bông ra nia (xăng) phơi khoảng 2 ngày, bông khô thì đổ và bò, cát chỗ thoáng. Khi phơi bông phải chọn ngày nắng to.

Sau khi thu hoạch bông về đến công đoạn sơ chế bông thành sợi, đầu tiên là *Cán bông*, người Dao Quần Trắng dùng cán bông (*cáo*) để cán cho hạt tách ra khỏi hoa bông, hạt được tách ra mang đi phơi, để dành những hạt tốt cho vụ sau.

Tách xong dùng bạt bông (*tàn búi*) bạt cho bông tơi lên, bạt từ ít một cẩn thận thì sợi kéo ra mới đẹp. Bạt xong được cuộn thành con bông (*búi đay*) bằng cách rải cái chiếu, lấy một que tre có một đầu nhọn, lăn qua lăn lại cho bông cuộn vào xung quanh que tre, rồi rút que ra thì được một con bông dài khoảng 15 cm to bằng ngón chân cái.

Khi đã có con bông, người phụ nữ Dao phải xe thành sợi. “*Khi kéo sợi hai tay phải kết hợp thật nhịp nhàng, kéo léo, nếu không sợi ra sẽ không được đều và dai sợi đâu, cái này phải học vài tháng mới làm tốt được*”. (Hoàng Thị Tham, 68 tuổi, thôn Văn Nham, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang).

Cứ thế xe cho đến khi hết số bông thành các con sợi rồi mới đem ngâm nước cho sạch, cho vào từng chiếc chum được đậy nắp kín ngâm thêm nửa tháng nữa thì sợi sẽ dai, bền, không bị đứt và mềm mại khi dệt.

Đến khâu cuối cùng trong quá trình sơ chế bông thành sợi đó là hồ sợi, nấu cháo gạo tẻ, mang sợi đã ngâm ra, cứ một con sợi thì dùng một bát con cháo đổ vào dùng chân đạp cho các hạt cháo nát thành nước quện lẫn vào sợi bông, rồi vắt khô, đập tơi và phơi ở nơi thoáng để khô tự nhiên. Khi hồ xong

sợi bông sẽ rất săn, chắc bóng mịn và cho ra mảnh vải đẹp hơn. Khi sợi khô, ta dùng sa (*ngạn búi*) để xe sợi (*xà péng búi*) thành suốt dùng để dệt vải bông.

- Dệt vải

Các công cụ sản xuất sợi và dệt vải của người Dao Quần Trắng trước kia chủ yếu làm thủ công bằng tay với các dụng cụ như cưa, dao, đục, bào... để chế tác các nguyên liệu có sẵn trong rừng như gỗ, tre, nứa, mây... và do người đàn ông chế tác. Sự hỗ trợ của người đàn ông trong công việc làm nên các công cụ để tạo ra bộ trang phục, ở một khâu phức tạp, nặng nhọc. Từ đó, có thể thấy ý thức tương trợ trong gia đình giữa đàn ông và phụ nữ rất nhiều, cho thấy sự hòa thuận trong gia đình của người Dao Quần Trắng.

Trước kia, để làm ra sợi thành các con sợi, rồi dệt vải, người Dao Quần Trắng phải qua các công đoạn:

Sau khi cán bông (*cáo búi*) [xem phụ lục, ảnh số 3.6] được ép dính vào nhau, muốn xe thành sợi phải bạt bông (*tàn búi*) cho tơi, xộp lên. Thường các bà, các mẹ sẽ ngồi làm công việc này. Khi bông đã được bạt tơi xộp, người Dao Quần Trắng đem quần lại thành lợn bông nhỏ, gọi là quần bông (*ta búi*). Công việc quần bông đơn giản nên phụ nữ trẻ hơn hay có thể các em nhỏ tầm 10–15 tuổi cũng có thể phụ giúp.

Tiếp đến là xe sợi (*xà péng búi*) [xem phụ lục, ảnh số 3.7, 3.8]. Sau khi xe sợi, đem hồ, phơi hay nhuộm. Các con sợi khi hồ xong được phơi khô. Cuối cùng, phải dựng xa để đánh suốt sợi [xem phụ lục, ảnh số 3.10].

Qua từng công đoạn trên, chúng tôi luôn thấy sự đóng góp công sức của tất cả các thành viên trong gia đình, từ người già đến trẻ nhỏ, đàn ông và đặc biệt là phụ nữ trong công việc tạo ra bộ trang phục. Điều này đã thể hiện sự gắn kết trong gia đình người Dao Quần Trắng ở thôn Văn Nham nói riêng và người Dao Quần Trắng nói chung, đó là truyền thống tốt đẹp được lưu truyền qua nhiều thế hệ.

Nhìn chung các dân tộc ở phía Bắc như Tày, Thái, Việt, Mường, Dao... đều sử dụng các loại khung dệt gọi là khung dệt cố định dùng bàn đập. Khung dệt (*dì ta bui*) [xem phụ lục, ảnh số 3.9] của người Dao được đóng bằng gỗ thành khung hình chữ nhật, cố định với bốn chân dựng đứng trên sàn nhà, với các bộ phận như ghế ngồi, trục cuốn sợi, go để tách dàn sợi thành sợi trên và sợi dưới, tạo một khe hở để lao thoi qua, lược nén sợi đập cho các sợi khít lại với nhau thành vải và trục cuốn vải.

Công đoạn *dàn sợi vào khung* [xem phụ lục, ảnh số 3.9] là công đoạn mất nhiều công và khá tỉ mỉ, muốn dệt được vải phải dàn sợi dọc và dàn sợi ngang, số lượng sợi dàn tùy thuộc và khổ vải rộng hẹp, phải có ít nhất hai người mới thực hiện được. Công việc này thường tốn nhiều thời gian nên người Dao Quần Trắng thường làm với số lượng lớn để dùng dần. Thông thường, người ta sử dụng các cột nhà sàn làm nơi dàn sợi nên các cột nhà phải thật chắc. Bên cạnh đó, còn đóng thêm 2 chiếc cọc tre để quấn sợi so le và xỏ trục cuốn sợi sau khi dàn xong. “*Dàn sợi vào khung rất cầu kỳ, tỉ mỉ. Cũng ít nhà còn khung cũ như nhà chúng tôi, thì còn biết dàn sợi, chứ bọn trẻ nhà không có khung cũ thì không ai biết dàn sợi đâu*”. (Đặng Thị Phong, 60 tuổi, thôn Văn Nham, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang).

Để tạo ra được một khổ vải theo đúng mục đích may mặc của chủ nhân, thì người dệt phải nắm được *kỹ thuật dệt*. Người Dao Quần Trắng có ba kiểu kỹ thuật dệt là: *dệt vải trơn, dệt yếm và dệt dây lưng*.

Dệt vải trơn khá đơn giản, hầu như ai cũng biết dệt, một người chưa dệt vải bao giờ học một thời gian cũng có thể dệt được. Sau khi đã dàn sợi vào khung, người dệt ngồi vào bàn ngồi để dệt. Kỹ thuật dệt vải trơn của các dân tộc ở phía Bắc đều có chung một thao tác là dùng chân đập bàn guốc nâng go, rồi dùng thoi đưa ngang luôn qua các sợi hoặc dùng chỉ màu đan cải và dùng bàn đập. Khi dệt phải kết hợp nhịp nhàng giữa tay đưa thoi, đập bàn và chân

đạp guốc thì vải mới đều, mịn. Người Dao Quần Trắng sử dụng kỹ thuật dệt vải trơn để tạo ra vải tấm dùng để may khăn đội đầu, may áo, may quần, may xà cạp.v.v... khi dệt xong từng tấm vải theo kích thước đã định rồi mới bắt đầu cắt rồi khâu, khâu xong thì tiến hành thêu hoa văn và đắp vải.

Kỹ thuật *dệt yếm* [xem phụ lục, ảnh số 3.11] cầu kỳ hơn, cũng phải dàn sợi trên khung. Dàn sợi dọc, với số lượng vừa đủ cho kích thước của một cái yếm, rồi dàn sợi ngang đó là những sợi màu đen, màu đỏ, màu vàng để tạo hình hoa văn cho chiếc yếm. Dệt yếm phải dệt hai mảnh: mảnh hình thang ở trên với hoa văn chủ yếu là hình sao tám cánh sử dụng những màu đỏ, đen, vàng là chủ đạo; Thân yếm ở dưới dệt hình chữ nhật với hoa văn hình kỷ hà, sử dụng những sợi màu đen làm chủ đạo.

Dệt Dây lưng[xem phụ lục, ảnh số 3.13] là dệt một dải vải bằng chỉ màu dài từ 120 cm – 150 cm, rộng từ 1,5 cm – 3 cm. Áo phụ nữ Dao Quần Trắng không có khuy cài, nên mặc áo phải sử dụng dây lưng, hai đầu có tua dài khoảng 20 cm. Màu sắc được sử dụng là màu đen, đỏ và trắng. Hoa văn dệt trên dây lưng là: hình hạt bí đao, hình mũi dao nhọn, hình Lá cây nứa, hình Quả Trám. [xem phụ lục, ảnh số 3.53].

Hiện nay, chỉ còn một vài hộ trong thôn còn có khung cửi nhưng không sử dụng và cũng không còn nguyên vẹn. Mặc dù vẫn còn nhiều phụ nữ, cả người già lẫn người trẻ biết dệt, nhưng không ai làm thủ công nữa. Trong thôn Văn Nham chỉ còn bốn người phụ nữ Dao Quần Trắng (trên 60 tuổi) còn dệt vải thường xuyên, vì họ lấy việc may trang phục truyền thống là nghề phụ để có thêm thu nhập nuôi gia đình. Các bà đi chỉ công nghiệp về dệt Yếm, Dây lưng và mua chỉ dùng để thêu hoa văn rồi khâu thành trang phục đi bán ngoài chợ.

2.1.2. Nhuộm màu và thêu trang trí

Người Dao Quần Trắng ưa thích những sắc màu cơ bản như: đỏ, vàng, xanh lá cây được kết hợp trên nền vải màu chàm, để có được những màu sắc

đó từ xa xưa đồng bào dùng phương pháp *nhuộm màu cho vải sợi bông* theo cách thủ công. Trước đây, nhuộm màu vải sợi từ các nguyên liệu được lấy từ tự nhiên, có sẵn trong vườn nhà hoặc ngoài rừng, trên nương. Cũng như việc trồng bông dệt vải, việc nhuộm vải bông đối với người phụ nữ Dao Quần Trắng nào cũng biết làm. Nhuộm màu các sợi bông hay vải bông đều có cách thức giống nhau. Ngày nay, trên 40 năm về trước khi đồng bào vẫn còn trồng bông dệt vải nhưng việc nhuộm màu đã chuyển sang giai đoạn mua phẩm màu ở chợ về nhuộm. Nhưng đến khoảng 15 năm trở lại đây, đồng bào không còn trồng bông nữa mà nguyên liệu dệt hoàn toàn mua ở chợ, vải, sợi dệt yếm, chỉ thêu hoa văn cũng mua ở chợ, cho nên dấu tích của việc làm thủ công đã bị mai một từ lâu. Hiện giờ chỉ còn lại tàn tích, được từng gia đình cất giữ nhưng không sử dụng và cũng hỏng phần nhiều. Khi được hỏi về xuất xứ của những cuộn chỉ dùng để dệt yếm và những cuộn chỉ thêu nhiều màu, thì bác Đặng Thị Phong, 68 tuổi, thôn Văn Nham, có nói rằng “*Tất cả tôi đều ra cửa hàng tạp hóa ngoài thì trấn mua, hàng ở đó loại tốt thì là của Việt Nam còn loại rẻ hơn là của Trung Quốc*”.

Dùng màu nhuộm tự nhiên phải đi kèm chất phụ gia (cắn màu) – làm cho sợi hấp thụ được thuốc nhuộm, nếu không màu sẽ bay rất nhanh. “*Thuốc nhuộm từ tự nhiên làm rất tốn công, vất vả lắm, mà màu lên lại nhạt hơn thuốc nhuộm mua ở chợ. Ở chợ thuốc cũng rẻ, nhiều màu, mua về chỉ cần đun nước sôi, thả vải vào là xong. Nhuộm màu từ tự nhiên dễ mốc và ảm.*” (Hoàng Thị Tham, 68 tuổi, thôn Văn Nham, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang).

Tuy những người Dao Quần Trắng không còn làm các màu nhuộm lấy từ tự nhiên, nhưng các bà vẫn còn nhớ cách thức làm trước kia và kể lại cho chúng tôi. Để *nhuộm màu chàm*, trước hết là khâu trồng cây chàm [xem phụ lục, ảnh số 3.5] trồng bằng cành vào tháng 8 âm lịch, trồng ở bờ suối, khe, nơi

đất ẩm và có bóng dâm. Khi cây bén rễ thì vun, xới. Tháng 8 năm sau thì thu hoạch chàm và cho vào chum, vại để ngâm cho ngấu rồi bỏ bã gạn lấy nước. Sau đó lấy hạt quả thầu dầu ta và một ít vôi bột cho vào 1 cái *thón* (đan bằng che có cán dài) rồi *chôm* vào chum cho đến khi sủi bọt và nhắc *chôm* lên có tiếng xèo xèo và bọt hạ dần xuống. Để qua 1 đêm cho lắng xuống rồi chắt nước đi gạn lấy bột đặc cho vào rá có lót vải để ráo nước rồi phơi khô. Đốt cây to lấy tro, cho tro vào một chiếc sọt to có lót lá dong (có bắc máng ở dưới), dưới máng là chiếc chum đựng bột chàm và một số thứ lá thơm. Đổ nước vào sọt cho chảy xuống chum, khuấy đều rồi cho quần, áo, yếm vào ngâm từ tối đến sáng, vớt ra phơi trong râm, ngâm lại nhiều lần cho đến khi được màu chàm ưng ý. Nhuộm chàm là công việc đòi hỏi phải là người có kinh nghiệm lâu năm. Từ khâu chọn ngày đến việc nhúng, bóp, đập sao cho màu ngấm đều và bền chắc, không bị loang lổ hoặc bị mốc. Bà Hoàng Thị Tham, 68 tuổi, thôn Văn Nham, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, kể lại.

Hiện nay, người Dao Quần Trắng ở thôn Văn Nham cũng như những thôn lân cận thuộc xã Hùng Đức không còn nhuộm chàm nữa, cây chàm vẫn còn, nhưng vì người dân không trồng bông để dệt vải, nên họ không cần đến việc nhuộm chàm. Những mảnh vải màu chàm đen xưa kia giờ thay bằng những mảnh vải sợi thô mua ngoài chợ, cũng vẫn màu chàm đen nhưng chất vải cứng hơn nặng hơn và không thấm mồ hôi. Tôi thấy mặc khá nóng, có lẽ đó cũng là một phần lý do mà phụ nữ trẻ bây giờ ít mặc trang phục truyền thống.

Cùng với màu chàm là cách nhuộm các *màu xanh lá cây, màu đỏ, màu vàng*. Đây là những màu cơ bản để nhuộm chỉ thêu, người Dao Quần Trắng sử dụng sợi tơ tằm để làm chỉ thêu hoa văn. Họ nhuộm chỉ thêu bằng các loại lá cây có trong vườn nhà hoặc mọc hoang ở rừng.

Để nhuộm màu xanh: cũng dùng cây rừng, nhưng không ai nhớ tên gọi là gì vì đã thất truyền từ lâu, đi hái về vò nát, cho vào nồi nước sôi, cho thêm ít vôi để màu không bị phai, đun nhỏ lửa, chừng nửa tiếng, thì lọc lấy nước xanh, thả sợi và nhuộm.

Đối với màu vàng: người Dao dùng *cây lủ*, công đoạn nhuộm cũng như nhuộm màu xanh “*cây lủ mọc trong vườn nhà, hái về, đun nước, rồi lọc lấy nước nhuộm vải, loại cây này cho màu vàng tươi rất đẹp, mùi lại thơm và bền màu*” (Lý Văn Chuyên, 68 tuổi, thôn Văn Nham, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang).

Và màu đỏ: người Dao Quần Trắng dùng cây lá com đỏ, trồng quanh nhà, công đoạn nhuộm cũng như trên, khi nhuộm xong phải phơi vải trong bóng râm, để khô gió, nếu không sẽ nhanh bay màu.

Khi hỏi về các loại cây sử dụng trong nhuộm màu sợi, hầu những người cao tuổi, có thâm niên trong nghề dệt cũng không nhớ hết. Đã từ rất lâu không còn ai làm thủ công như vậy, họ đều đi mua thuốc nhuộm ngoài chợ (loại thuốc của Trung Quốc về nhuộm, đỡ tốn công vì không mất thời gian sơ chế). Khoảng vài chục năm trở lại đây người Dao đã sử dụng thuốc nhuộm của Trung Quốc.

- Kỹ thuật trang trí y phục

Phụ nữ Dao Quần Trắng sử dụng một vài kỹ thuật trang trí như *dệt, ghép vải, nhuộm* và *thêu* hoa văn trên trang phục của mình. Các họa tiết trên trang phục của phụ nữ Dao Quần Trắng được thêu không theo mẫu vẽ sẵn trên vải mà hoàn toàn dựa vào trí nhớ, Chú trọng nhất là yếm trước ngực, chiếc yếm của người phụ nữ dao, to bản che kín ngực, dài xuống đến hông và được trang trí hoa văn kín lên yếm. Hay khăn chiếc khăn đội đầu, cũng được sử dụng kỹ thuật thêu hoa văn chủ yếu hình sao tám cánh, màu chủ đạo là màu đỏ và màu trắng. Bên cạnh đó, chiếc áo dài truyền thống, trên màu chàm với kỹ thuật

thêu hoa văn đăng trước, đăng sau, ở vai, lưng tà dưới gấu ao và đắp vải ở nẹp áo trước ngực và cổ tay. Kỹ thuật phổ biến là kỹ thuật *thêu xuyên* đơn giản hơn, nên chủ yếu được dùng để thêu các đường viền và *thêu thoáng* trên nền vải chàm. Kỹ thuật thêu thoáng này để lộ nền chàm ẩn ngay trong các họa tiết, có tác dụng làm hài hòa sắc độ và tạo hòa sắc chung cho bộ trang phục làm giảm đi sự rực rỡ, mạnh mẽ của các mảng màu nguyên chất. Đó là điều đặc sắc cho sắc thái trang trí của người Dao Quần Trắng.

- **Cắt may**

Đối với người Dao Quần Trắng *kỹ thuật cắt may* khá đơn giản: với Áo dài, Quần, Yếm, Xà cạp họ đều cắt rời mới thêu. Hiện nay mặc dù có sự phát triển của máy móc nhưng những người lớn tuổi ở thôn Văn Nham vẫn thích đi chợ mua vải về tự cắt tại nhà, cắt và khâu thành trang phục của mình. Công cụ chỉ gồm một cái kéo, phân may, thước đo và kim chỉ.

Trước đây, khi cắt quần áo cho ai người ta không dùng thước đo mà ước vải trực tiếp lên người đó để biết ngắn dài rộng hẹp bao nhiêu rồi tính số vải cần thiết. Sau khi cắt xong mảnh vải nào có hoa văn trang trí thì thêu. Công đoạn cuối cùng là khâu các mảnh vải lại với nhau thành áo hoặc quần.

2.2. Các thể loại Y phục

2.2.1. Y phục nữ truyền thống

Bộ y phục nữ truyền thống của Dao Quần Trắng gồm có: *khăn đội đầu, áo dài, yếm, dây lưng, quần, xà cạp*.

2.2.1.1. Khăn đội đầu (Piểu PJáy) [xem phụ lục, ảnh số 3.14].

Theo cuốn *Trang phục cổ truyền của người Dao ở Việt Nam*, của PGS.TS. Nguyễn Khắc Tụng & TS. Nguyễn Anh Cường (2004), Khăn đội đầu truyền thống của phụ nữ Dao Quần Trắng là một vuông vải trắng (40x40cm) được thêu rất nhiều họa tiết hoa văn trang trí. Mép khăn được viền vải trắng và đồ từng đoạn ngắn xen kẽ nhau. Chính giữa khăn thêu một ngôi

sao tám cánh. Từ ngôi sao này có các tia ra bốn góc khăn liên kết với bốn ngôi sao khác có kích thước nhỏ hơn. Kẹp giữa các ngôi sao này là nhưng ngôi sao nhỏ hơn. Các ngôi sao đều thêu bằng chỉ đỏ và vàng. Đỉnh một góc khăn đính một dải buộc dẹt bằng chỉ đen và đỏ.

Phụ nữ Dao Quần Trắng để tóc dài, vấn khăn ngang như phụ nữ Tày và phụ nữ Việt ở nông thôn trước đây. Có hai cách đội khăn, cách thứ nhất: khăn được gấp phân ở giữa theo đường chéo làm cho khăn hẹp bớt rồi đội phủ ra ngoài vành khăn ngang, một góc khăn ở phía trước trán, một góc ở phía sau gáy, dây buộc khăn quấn quanh đầu dè lên hai góc nhọn này, còn hai góc kia thả xuống hai bên tai; Cách thứ hai cũng tương tự, chỉ khác, góc phía trước trán, mỏ nhọn của nó được gài vào bên trong vòng dây quấn quanh đầu. [28,tr.68].

Khăn của người Dao Quần Trắng cũng rất khác so với các ngành Dao khác. Phụ Nữ Dao Đỏ có hai loại khăn đội đầu khá cầu kỳ, khăn quấn trong và khăn phủ ngoài, sử dụng chỉ vàng, đỏ, xanh lá cây, trắng để thêu hoa văn trên nền màu chàm.

Người Dao Thanh Phán ở Tuyên Quang thuộc ngành Dao Coóc Mùn đội khăn dài màu chàm không có hoa văn trang trí

Khăn đội đầu của phụ nữ Dao Áo Dài có hai loại: loại cho người trẻ, khăn nhỏ hơn (36cm x 13cm). Hai đầu có tua dài, nền vải trắng có thêu hoa văn bằng chỉ đen, cổ khăn có diềm thêm một vài đường chỉ đỏ. Còn với người trung niên, khăn to hơn (50cm x 40cm) bằng vải đen có diềm đáp bằng vải đỏ

Qua so sánh với các nhóm Dao khác, chúng tôi thấy rõ sự khác biệt, phụ nữ Dao Quần Trắng chỉ sử dụng một kiểu khăn vuông. Hiện nay, khăn của phụ nữ Dao Quần Trắng có nhiều biến đổi, mép khăn không viền vải trắng và đỏ từng đoạn ngắn xen kẽ nhau và không thêu hoa văn như khăn truyền thống mà họ chỉ trang trí bằng cách viền bằng vải hoa ở mép khăn. [xem phụ lục,

ảnh số 3.15]. Ở xã Hùng Đức, những người trẻ từ 20 đến 35 tuổi hầu như không ai mặc y phục truyền thống nữa, đồng nghĩa với việc không đội khăn. Chị Đặng Thị Xuân, 23 tuổi, thôn Xuân Đức, xã Hùng Đức đã chia sẻ rằng: “Người trẻ giờ không ai mặc, không ai đội khăn, một phần vì họ không biết quấn tóc, mà không quấn tóc thì không thể đội khăn được”.

2.2.1.2. Áo dài (Gầy Gam) [xem phụ lục, ảnh số 3.40].

Theo cuốn *Trang phục cổ truyền của người Dao ở Việt Nam*, của PGS.TS. Nguyễn Khắc Tụng & TS. Nguyễn Anh Cường (2004), Áo dài của phụ nữ Dao Quần Trắng màu chàm, may kiểu xẻ ngực (áo hở ngực), không có cúc, gấu áo dài chàm đầu gối, tay áo rộng, có trang trí đường viền. Áo dài thường được mặc với chiếc yếm thêu. Trên thân áo có trang trí mô típ hoa văn dọc trước ngực với màu chàm là màu nền cơ bản. Thất lưng được thêu thùa công phu với nhiều hoa văn cầu kỳ quấn vòng quanh eo bụng, rủ xuống đằng sau ngang tà áo. Nẹp cổ nhỏ được thêu hai đường song song bằng chỉ đỏ, nẹp hai thân trước từ chân cổ áo xuống tới gấu viền bằng vải trắng và vải đỏ, hai bên đối nhau. Cửa tay áo, nẹp tà và gấu áo thêu bằng chỉ trắng. Áo của phụ nữ Dao Quần Trắng thêu rất ít so với áo của một số nhóm Dao khác. Ở thân áo chỉ điểm xuyết một vài họa tiết nơi ngang thân và góc tà, chủ yếu là các hình sao tám cánh. Ngoài ra còn một đường thêu chân rết bằng chỉ trắng chạy dọc từ ống tay này qua vai sang ống tay kia. [28,tr.68]

Ở thôn Văn Nham, Áo dài có hai loại, cho người già và người trẻ. Áo cho người già từ khoảng 40 tuổi trở lên, họa tiết thêu trên áo hoa nhỏ và áo người trẻ có hoa to hơn một chút. Vào mùa đông, phụ nữ Dao mặc lồng hai áo với nhau, một cái tay dài mặc ngoài và một cái tay lỡ mặc trong cho ấm. Trong quá trình đi điền dã, khi tìm hiểu về áo dài người Dao Quần Trắng, tôi nhận thấy, hầu như người già nào trong xã cũng có một vài cái. Nhưng khi tìm hỏi áo dài của những phụ nữ trẻ khoảng từ 25 đến 40 tuổi thì khó hơn,

mỗi người chỉ có một đến hai bộ, họ chỉ mặc khi đi đám cưới, đám tang hay lễ hội. Vì vậy, chúng tôi rất khó thuyết phục họ cho xem và mặc để chụp. Cả thôn Văn Nham không còn người trẻ nào từ 25 đến 35 còn mặc bộ y phục này, tôi đã phải đi đến thôn xa nhất của xã Hùng Đức là thôn Làng Phan, mới xem được một bộ y phục của cô Vi Thị Yến 49 tuổi. Rất may là cô vẫn còn giữ đồ thời trẻ của mình trong tủ và lấy cho tôi xem. Bà nói: “*Áo dài truyền thống của người trẻ giờ ít gặp trong ngày thường, chỉ lễ hội hoặc nhà có việc mới mang ra mặc thôi.*”

2.2.1.3. Dây lưng (Làng Thay) [xem phụ lục, ảnh số 3.13]

Dây lưng của phụ nữ Dao Quần Trắng là một dải vải dệt bằng chỉ màu dài từ 120 cm–150 cm, rộng từ 1,5 cm–3 cm, hai đầu có tua dài khoảng 20 cm. Màu sắc được sử dụng là màu đen, đỏ và trắng. Hoa văn dệt trên dây lưng là: hình hạt bí đao, hình mũi dao nhọn, hình Lá cây nứa, hình Quả Trám. [xem phụ lục, ảnh số 3.46].

Ngày nay dây lưng các bà vẫn tự mua chỉ về dệt, nhưng lối tư duy và thể hiện bị ảnh hưởng của người Kinh nhiều, họ không thích rườm rà, nặng nề mà phần lớn ưa chuộng y phục người Kinh. Ngoài ra, họ có thể tự khâu dây lưng bằng vải mua ngoài chợ và thêu hoa văn lên.

2.2.1.4. Yếm (Ti Phàm) [xem phụ lục, ảnh số 3.13]

Theo cuốn *Trang phục cổ truyền của người Dao ở Việt Nam*, của PGS.TS. Nguyễn Khắc Tụng & TS. Nguyễn Anh Cường (2004), Yếm của phụ nữ Dao Quần Trắng rất to che kín cả ngực và bụng, dài 56cm, rộng 54cm. Yếm gồm hai phần: phần bên trên, cổ yếm và phần thân yếm. Phần cổ yếm hình thang cân, đáy nhỏ ở trên và là cổ yếm. Phần này được thêu các hình sao tám cánh trong các khung vuông bằng chỉ đỏ. Mảng hoa văn này thêu sẵn, khi may yếm thì đắp thêm vào; Phần thân yếm màu trắng hình chữ nhật được ghép bởi ba khổ vải theo chiều dọc yếm. Khổ vải ở giữa được dệt hoa văn

chuyên dùng làm yếm. Hoa tiết trang trí ở đây chủ yếu là các hình thoi nối nhau liên tiếp bằng chỉ đen. Bên dưới mảng hoa văn này là ba hình sao tám cách bằng chỉ đỏ và đen. Dưới hàng sao này là hai đường gấp khúc bằng chỉ đen và đỏ. Nửa dưới của diềm hai bên thân và gấu của yếm đắp bằng vải đen và đỏ xen nhau. Khi mặc yếm, người ta móc hai khuyết dính ở cổ yếm vào đầu của một chiếc vòng cổ và buộc dải ngang thân ra sau lưng. [28,tr.68].

Yếm cũng có hai loại, yếm thêu có màu trầm là của người già và màu rực rỡ hơn là cho người trẻ tuổi. Để mặc được yếm ta phải có một chiếc vòng bạc móc vào hai khuyết dính ở cổ yếm, chiếc vòng bạc này là vật bất li thân của mỗi người. Bà Đặng Thị Phong, 60 tuổi thôn Văn Nham, xã Hùng Đức nói: *"vòng cổ đeo yếm này mẹ bà cho từ ngày còn con gái, bà chỉ có một cái, ngày xưa trong làng có vài nhà làm nghề chạm bạc, nếu mất còn có. Chứ giờ thỉnh thoảng mới có một người chạm bạc đi qua thôn, nên phải giữ rất rất cẩn thận, nếu bị mất thì chỉ dùng dây buộc qua cổ mà thôi, mà như vậy thì không móc được xà tích vào."*

Khi so sánh với một số ngành Dao khác trong tỉnh, ta thấy có sự khác biệt rõ rệt là yếm người Dao Quần Trắng thêu hoa văn trên nền vải trắng, yếm to che kín toàn bộ thân trước

Phụ nữ Dao Đỏ mặc yếm dài 147cm, chia làm đôi, cổ yếm in hoa văn trắng đỏ vàng trên nền vải chàm, dính 16 ngôi sao bằng bạc, trước ngực dính 6 mảnh bạc hình chữ nhật, viền theo những mảnh bạc này là 25 ngôi sao nhỏ. Yếm của người Dao Đỏ rất cầu kỳ và đặc sắc phù hợp với bộ y phục rực rỡ của họ.

Yếm của phụ nữ Dao Coóc Mùn (Dao Thanh Phán) là rất đơn giản, chỉ là một mảnh vải hình vuông màu đỏ có dây buộc to bản đằng sau cổ, khi mang lên người thì dựng hình vuông yếm lên như hình thoi để mặc vào người.

Người Dao Áo Dài không sử dụng yếm

Yếm là một phần trong y phục, thường được tập chung trang trí nhiều. Tuy nhiên, có nhóm Dao may và trang trí yếm khá cầu kỳ, có nhóm làm đơn giản, tùy thuộc vào bộ quần áo, khăn của họ, mà họ sẽ chú trọng vào chiếc yếm hay không.

2.2.1.5. Quần (Khọa)[xem phụ lục, ảnh số 3.20]

Quần dùng thường ngày màu đen hoặc chàm, cắt theo kiểu can đũng hay theo kiểu chân què. Là loại quần lờ màu đen hoặc chàm đến ngang bắp chân, mùa đông thì mau vải dày mùa hè thì vải mỏng hơn cho mát. Quần trắng [xem phụ lục, ảnh số 3.34]. chỉ mặc trong ngày cưới, quần trắng được cắt theo kiểu chân què, rồi khâu tay. Ngày xưa các bà các mẹ thường dệt bằng vải bông, ngày nay cũng dùng lại vải thô mua ở chợ. Cả bộ y phục là cùng mua một loại vải chỉ khác là màu trắng và màu chàm đen.

Với người Dao Quần Trắng, nói đến quần họ chia làm hai loại có công năng khác nhau, loại màu chàm không hoa văn là để sử dụng trong đời sống thường ngày, còn quần màu trắng là danh riêng cho đám cưới của chính mình. Do đó có thể thấy quần trắng mỗi người chỉ sử dụng một lần trong đời mà thôi, vì lẽ đó nó tạo nên sự đặc biệt, khiến tộc người họ được gọi là Dao Quần Trắng.

Khi so sánh về tạo hình và trang trí trên quần của người Dao Quần Trắng và Dao Đỏ hay Dao Coóc Mun, Dao Áo Dài trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, có những kết quả như sau: dân tộc Dao Đỏ quần màu chàm có thêu hoa văn rực rỡ cắt theo kiểu bỏ đũng hoặc chân què, họ thêu hoa văn trước đến khi may quần thì đắp thêm mảnh hoa văn vào. Dao Coóc Mun quần cũng cắt theo kiểu bỏ đũng chia hai phần, phần trên màu chàm phần dưới thêu hoa văn sẵn khi may thì nối thêm vào. Dao Áo Dài quần dài đến mắt cá chân màu chàm không thêu hoa văn và cắt theo kiểu can đũng.

2.2.1.6. Xà cạp (*Kéo Thau*)[xem phụ lục, ảnh số 3.36].

Xà cạp là một mảnh vải màu chàm hoặc đen dài 110 cm, rộng 30 cm có hình đuôi nheo, trên nền không trang trí hoa văn, mà chỉ viền mép vải trắng đỏ, có dây để quấn quanh bắp chân và có đầu tua.

Xà cạp được sử dụng trong ngày cưới, rất ít dùng nhưng là vật quý giá với người phụ nữ, vì nó sẽ sử dụng vào ngày về nhà chồng, một ngày quan trọng nhất trong cuộc đời họ. Dùng xong họ thường cất kỹ và có thể cho con gái sau này hoặc làm tặng con một bộ xà cạp mới trong ngày cưới của con.

Y phục truyền thống quả thật rất đẹp xét về hình thức lẫn nội dung, khi được hỏi vì sao lại gọi là Dao Quần Trắng, bà Đặng Thị Bình, bà cụ 73 tuổi giải thích: *“người phụ nữ dân tộc Dao Quần Trắng trước kia không được coi trọng, lúc còn nhỏ người con gái cặm cùi lao động ở nhà để, khi được cưới hỏi về nhà chồng thì làm lụi hết làm ruộng lại xe sợi dệt vải, rồi chần trâu, kiếm củi, công việc vất vả đầu tắt mặt tối, chẳng lúc nào được ngơi nghỉ nên quần áo của họ quanh năm nhuộm màu chàm lam lũ. Chỉ vào dịp quan trọng như lễ tết, hội hè mới được mặc đẹp hoặc vào dịp trọng đại nhất của cuộc đời như ngày cưới họ mới được mặc quần trắng về nhà chồng. Chính vì nét văn hóa độc đáo này mà dân tộc họ được gọi là Dao Quần Trắng để phân biệt với Dao đỏ, Dao quần chẹt, Dao Áo dài...”*.

2.2.2. Bộ Y phục trong lao động và đời sống hàng ngày

Trước đây trong cuộc sống thường ngày, phụ nữ Dao Quần Trắng thường mặc bộ quần áo dệt bằng sợi cây bông, cắt may đơn giản, bao gồm: khăn đội đầu, áo dài, dây lưng, yếm, quần [xem phụ lục, ảnh số 3.22, 3.23, 3.24, 3.25]. Khăn đội đầu, trong đời sống hàng ngày là vật dụng để che nắng, mưa, lau mồ hôi, rất thiết yếu. Để thuận tiện cho việc lên nương hay đồng áng người phụ nữ Dao thường mặc thoải mái và đơn giản nhất. Do công việc phải

lao động chân tay, nên chiếc dây lưng là rất quan trọng, giúp cho y phục gọn gàng, thuận tiện khi làm việc.

Hiện nay, phụ nữ người Dao Quần Trắng ở thôn Văn Nham khoảng từ 40 trở lên mới mặc y phục truyền thống nhưng cũng không nhiều, chủ yếu là người già. Người cao tuổi đảm nhiệm những công việc nhẹ nhàng hơn, họ không đi xa, hay làm việc nặng nhọc, thường ở nhà làm việc nhà, thêu thùa may vá, đi chợ lên đồi hái chè... Nói chung, mức độ hoạt động của họ có xu hướng tĩnh nhiều hơn, do đó, họ vẫn duy trì mặc y phục truyền thống trong đời sống hàng ngày. Nhóm nữ trẻ mặc quần áo như người Kinh, họ phải làm ruộng, lên đồi trông chè, trông keo, đi xe máy chở lúa, chở rau lợn, đi chợ .v.v... do tính chất công việc cần nhanh nhẹn, linh hoạt nên đó cũng là một phần lý do khiến họ không còn mặc y phục tộc người mình. [xem phụ lục, ảnh số 3.41, 3.43, 3.44].

2.2.3. Bộ lễ phục

2.2.3.1. Y phục trong đám cưới và lễ hội

Bộ y phục nữ truyền thống của Dao Quần Trắng trong đám cưới và lễ hội gồm có: *khăn đội đầu, áo dài, yếm, dây lưng, quần trắng, xà cạp*. Đối với cô dâu, có thêm *mũ cô dâu*.

- Y phục cô dâu

Y phục cô dâu Dao Quần Trắng về kiểu cách không khác gì quần áo ngày thường. Trong ngày làm lễ cưới cô dâu phải mặc quần trắng. Ngoài ra, cô dâu còn phải đội một cái mũ mà ngày thường không ai dùng, cổ quần những dải vải (*Dây tơ hồng*) dài màu đỏ và trắng, tay cầm một quạt, một cái khăn thêu. Theo cuốn *Trang phục cổ truyền của người Dao ở Việt Nam*, của PGS.TS. Nguyễn Khắc Tụng & TS. Nguyễn Anh Cường (2004), “trang phục cô dâu trong ngày cưới có váy màu chàm, nẹp vải đỏ vạt váy màu xanh” [xem phụ lục, ảnh số 3.26], [28.tr,71], nhưng theo bà Hoàng Thị Tham, 68

tuổi, thôn Văn Nham, xã Hùng Đức, thì cô dâu ở Hùng Đức từ xưa đến nay chỉ mặc quần trắng, không có váy.

+ *Dây tơ hồng* [xem phụ lục, ảnh số 3.30].

Cô dâu phải tự tay làm y phục cho mình, trong đó có cả dây tơ hồng đeo vào cổ trong ngày cưới. Dây tơ hồng theo tiếng Dao là *cái lù*. Dây có hai màu, một bên là màu đỏ và một bên là màu trắng. *Cái lù* là vật không thể thiếu trong y phục cô dâu. Dây được làm đơn giản, không cầu kỳ phức tạp. Đầu tiên, người làm phải chọn 2 mảnh vải đẹp màu đỏ và màu trắng, cắt đo chiều rộng khoảng 6 cm, chiều dài hơn 1 mét, khâu bằng vải thô. Sau đó áp sát hai mảnh và khâu lại với nhau. Bà Hoàng Thị Tham, 68 tuổi, thôn Văn Nham, cho biết "*cái lù này là bà tự may khi mới về nhà chồng, khi cho chúng tôi xem, nó đã được 40 đến 50 năm được bà cất giữ cẩn thận trong tủ gỗ coi như vật kỷ niệm của vợ chồng ông bà.*"

Em Đặng Thị Xuân, 23 tuổi, thôn Xuân Đức đã cưới chồng được 4 năm em kể lại: "*Trước ngày cưới em đã chuẩn bị đầy đủ trang phục, trong đó có cả sợi dây tơ hồng. Đeo cái lù trong ngày cưới là minh chứng là gái đã có chồng, hoa đã có chủ.*" Sợi dây vải mềm mại, thanh mảnh như muốn nhắn nhủ người phụ nữ phải biết cư xử, khôn khéo đối với chồng và gia đình chồng.

Dây được người vợ cất giữ cẩn thận, đó như là kỷ vật thiêng liêng giữ gìn hạnh phúc cuộc sống hôn nhân. Em Trần Thị Chung, 24 tuổi, thôn Xuân Đức đã kết hôn được gần 6 năm. Em luôn giữ gìn sợi dây, coi đó là bùa may của mình.

+ *Mũ cô dâu (Đắt)* [xem phụ lục, ảnh số 3.35].

Mũ của cô dâu Dao Quần Trắng trông giống như một cái bồ đài. Xương mũ làm bằng xơ mướp, bên ngoài lợp vải đen. Đến nay có mũ, ngoài lớp vải đen còn được phủ một lớp vải màn nhuộm màu đỏ. Sóng mũ võng xuống nên

hai chòm mũ giống như hai cái sừng. Mỗi chòm mũ đính một chùm chỉ đỏ và vàng. Hai bên thành mũ gắn nhiều mảnh bạc hình bán cầu, hình sao tám cánh và cũng là hình sao như vậy nhưng trong vòng tròn. Vành mũ đắp một băng hoa văn dệt bằng chỉ nhiều màu. Khi đội mũ, tóc cô dâu phải quấn quanh đầu rồi đội mũ ra ngoài, hai chòm mũ quay về phía hai bên đầu .

Mũ cô dâu thường là vật kỷ niệm nhiều hơn tính ích dụng vì trong đời mỗi người chỉ đội một lần, rồi cất đi có thể cho con gái mai sau hoặc con gái có thể tự làm cái mới khi về nhà chồng. Giờ đây, khi sự giao thoa văn hóa với các dân tộc khác nhiều hơn, đám cưới nhiều cô dâu mặc váy cưới hơn, nên y phục truyền thống ít người mặc, do đó, không ai làm mũ cô dâu, chỉ còn lại những cái cũ của các bà các mẹ cất giữ.

- **Y phục phù dâu** [xem phụ lục, ảnh số 3.28].

Phù dâu người Dao Quần Trắng mặc quần áo giống cô dâu, đội mũ khác cô dâu. Cũng áo dài, quần trắng truyền thống, nhưng đầu phù dâu đơn giản hơn, họ quấn tóc lên đỉnh đầu, dùng hai chiếc khăn để quấn che kín phần tóc trên đỉnh đầu.

+ *Mũ phù dâu* [xem phụ lục, ảnh số 3.19].

Mũ của phù dâu làm bằng gỗ trông giống như cái đầu. Xung quanh thành mũ và đỉnh mũ gắn nhiều mảnh bạc. Sau khi đội mũ người ta phủ ra ngoài hai cái khăn vuông. Mỗi khăn được gấp chéo thành hình tam giác cân. Khăn thứ nhất quấn vòng quanh mũ, góc đỉnh của tam giác trùm qua đỉnh mũ phủ ra phía sau, hai góc nhọn gặp nhau ở phía sau gáy. Khăn thứ hai cũng làm như vậy, nhưng đối diện với khăn thứ nhất. Cuối cùng người ta quấn dây vòng quanh mũ để giữ chặt khăn vào thành mũ.

Nói chung y phục trong đám cưới và lễ hội của phụ nữ Dao Quần Trắng, luôn được đặc biệt chú ý, y phục sử dụng trong đám cưới phải mới và đẹp, còn trong lễ hội thì có thể mặc lại những y phục và may thêm đồ mới. “*Mỗi*

người con gái Dao Quần Trắng sẽ có khoảng 1 đến 2 bộ đồ đẹp, khi đến tuổi đi lấy chồng, để mặc trong ngày cưới”, “Còn khi lễ hội người phụ nữ Dao Quần Trắng đều ăn mặc những bộ đẹp nhất, người trẻ cũng có một bộ đồ mới hơn, còn người già như chúng tôi thì luôn có 2 đến 3 bộ gọn gàng tươm tất để mặc trong những dịp quan trọng rồi.”(Bàn La Sinh, 54 tuổi, thôn Văn Nham, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang). Bên cạnh đó chú rể, phù rể, thầy cúng.v.v...những người trong nghi lễ cưới đều mặc quần trắng. [xem phụ lục, ảnh số 3.27].

2.2.3.2. Y phục trong đám tang

Bộ y phục nữ truyền thống của Dao Quần Trắng trong đám tang gồm có: *khăn đội đầu, áo dài, yếm, dây lưng, quần*. Vì quan niệm nhà có chuyện buồn, nên không mặc quần trắng, mà chỉ mặc quần màu chàm bình thường. Về đám tang của người Dao Quần Trắng chủ yếu chú trọng khâu tổ chức, phong tục, quần áo phụ nữ mặc cũng giống như thường ngày không có gì thay đổi. Tuy nhiên, quần áo phải sạch sẽ, tươm tất, chỉnh trang nghiêm túc để đưa tiễn người chết về thế giới bên kia. Trong đám tang của người Dao khá giống với người Kinh, phụ nữ mặc quần áo truyền thống, đầu đội khăn trắng, cũng có màu khăn phân theo vai vế trong dòng họ như người Kinh, có khăn tang màu vàng, đỏ theo thứ bậc đối với người đã khuất.

2.2.4. Y phục trẻ em [xem phụ lục, ảnh số 3.21].

Trẻ sơ sinh không có quần áo riêng vì còn quá nhỏ, người Dao Quần Trắng thường dùng quần áo cũ của người lớn hoặc vỏ chăn cũ để cuốn cho chúng. Lên hai, ba tuổi trẻ em mới có quần áo riêng, về kiểu cách thì giống như của người lớn nhưng hoa văn thêu đơn giản hơn. Mũ của trẻ em khâu bằng nhiều mảnh vải khác màu, mũ bé gái thêu nhiều hoa văn và nhiều tua rua hơn bé trai.

2.3. Đồ trang sức

Phụ nữ Dao Quần Trắng dùng đồ trang sức bằng bạc là chủ yếu, đồng cũng có nhưng ít hơn, gần đây mới có đồ trang sức bằng vàng. Phụ nữ hầu như ai cũng có vòng cổ, vòng tay và nhẫn, khuyên tai và xà tích. Nam giới và trẻ nhỏ cũng có đồ trang sức, nhưng số lượng ít hơn chủ yếu là vòng cổ.

- *Vòng cổ (kẻng Quýnh Lú)*[xem phụ lục, ảnh số 3.18] là loại vòng to như cái đĩa, tròn, có thể để trơn, có thể chạm khắc các họa tiết rồng, rắn, hoa lá. Ở mỗi nối khép vào nhau như hai cái mỏ vịt ngoắc vào nhau.

- *Vòng tay (Săm Đén)*[xem phụ lục, ảnh số 3.15] có hai loại, kích thước như nhau, chỉ khác là một loại trơn còn một loại có chạm hoa văn, đúc đặc.

- *Nhẫn (Pu Đó Quýnh)* thường được làm từ những đồng bạc, nhẫn trơn hoặc có mặt hình tròn hoặc chữ nhật.

- *Hoa tai (Màn Nom Vín)*[xem phụ lục, ảnh số 3.17] là một hình tròn to, đặc, khá nặng.

- *Dây bạc (Ti Qua Lang)* hau còn gọi là Xà Tích [xem phụ lục, ảnh số 3.16] là vật đeo thêm để trang trí trên y phục, thường làm bằng bạc, có từ 2 đến 4 dây kết với nhau, là bạc đánh dẹt, có thể khía cạnh cho lấp lánh hơn. Thường là vật thừa kế của mẹ cho con gái khi về nhà chồng, hoặc mẹ chồng cho con dâu để lấy may mắn. Một vật thiêng liêng, đáng tự hào khi có nó, của những người phụ nữ Dao Quần Trắng.

Hầu như phụ nữ các dân tộc thiểu số đều rất ưa chuộng đồ trang sức, mà chủ yếu là bằng bạc và đồng, những năm gần đây có thêm như loại bằng vàng, mỹ ký, nhựa. Và người Dao Quần Trắng ở thôn Văn Nham cũng không phải là một ngoại lệ, ai cũng sử dụng đồ trang sức, những phụ nữ lớn tuổi thì dùng trang sức bạc và đồng truyền thống do mẹ truyền lại hoặc tự mua từ khi còn trẻ (lúc về nhà chồng), những người trẻ hơn cũng dùng trang sức bạc hoặc vàng, nhựa, mỹ ký.v.v...

Trước kia đồ trang sức của người dao chủ yếu là bằng bạc, không phải người đàn ông nào cũng biết chế tác bạc thành đồ trang sức, mà thông thường phải có sự chuyên môn hóa nhất định. Trong thôn thường có khoảng 1 đến 2 nhà chuyên làm nghề chế tác, người trong thôn đến thuê làm, có khi là trả bằng lợn bằng gà, gạo, hoặc bằng tiền mặt. Người ta có thể tự đi mua bạc rồi đưa cho thợ chế tác. *“Trước đây, cũng có một vài nhà làm chế tác trong thôn, họ làm vào lúc rảnh rỗi, khi nương rẫy đã xong, thường là vào dịp trước tết khoảng tháng 11, 12 âm lịch, khi nhu cầu đeo trang sức tăng cao, còn không họ lại làm nông bình thường, giờ thì không còn nhà nào làm cả”* (ông Lý Văn Chuyên, 68 tuổi, thôn Văn Nham, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang).

Khi nói tới trang phục tức là không thể thiếu đồ trang sức, truyền thống thì trong thôn sẽ có một vài hộ gia đình biết làm nghề chạm bạc, hầu như là đảm nhiệm, họ năng giữ kỹ thuật nghề như đúc bạc, rồi đổ bạc, gọt, giũa... công việc này rất công phu, tỉ mỉ, cần nhiều sức vóc và một lần nữa lại phải nhờ tới bàn tay của người đàn ông trong gia đình.

Giờ đây, khi nhìn thấy các bà ai cũng có vòng tay, vòng cổ, khuyên tai, xà tích (dây bạc), đặc biệt là chiếc quai gài để đeo yếm qua cổ bằng bạc (mỗi người chỉ có một cái) thì được biết, đó là những món đồ được mẹ hoặc bà cho từ xưa, khi đi lấy chồng, còn giờ không có ai làm chạm bạc nữa, thỉnh thoảng có một vài thợ bạc vào thôn thì thuê làm, đó là những người ở nơi khác, họ đi quanh xã, từng thôn một chứ không phải người thôn mình.

Qua điền dã, tôi nhận thấy, phần lớn những người phụ nữ Dao Quần Trắng lớn tuổi từ 50 đến hơn 70 tuổi vẫn dùng đồ bạc, cổ truyền, do cha mẹ để lại hoặc tự làm. Phụ nữ Dao Quần Trắng khoảng 40 đến 50 tuổi, các cô đã sử dụng đa dạng hơn, như vòng ngọc trai, vòng đá nhân tạo, vòng vàng... Và, chúng tôi hỏi những bạn từ 25 đến 35, phần lớn họ ưa thích vòng vàng, đồ






nhựa, đá nhân tạo của trung quốc hơn, vì rẻ tiền, dễ mua và thay đổi theo sở thích. Theo họ như vậy hợp thời trang hơn.

Có thể thấy rằng ý thức hệ đã thay đổi, trong bộ phận người Dao Quần Trắng, ý thức gìn giữ văn hóa cổ truyền đã dần bị mai một, bởi xu thế mở cửa, cởi mở trong văn hóa tiêu dùng, và thị hiếu giới trẻ, hầu như những người trẻ tuổi không còn thích những đồ làm thủ công, mộc mạc nữa, mà họ thích những thứ lấp lánh, gọn nhẹ... Hiện nay, phụ nữ Dao Quần Trắng trẻ đi nhiều hơn, công việc cũng thay đổi, không còn quần quanh trong nhà trong thôn như trước, họ đi buôn, đi học, đi làm thuê xa nhà... khi có một luồng văn hóa mới, cởi mở hơn, họ tiếp thu một cách vô thức và không biết từ khi nào, những giá trị truyền thống bị mờ nhạt đi nhiều. Từ trang sức nhìn rộng ra, ta thấy những thay đổi nho nhỏ, nhưng nếu suy rộng thì lại là một vấn đề âm thầm gây nhức nhối của cả xã hội trong buổi hiện tại.

2.4. Các mô típ hoa văn trang trí trên trang phục

Hoa văn trên trang phục nữ của người Dao Quần Trắng tập trung chủ yếu ở chiếc yếm, được nhắc lại ở trên chiếc áo dài mặc ngoài và khăn đội đầu.

Trên *Khăn đội đầu (Piểu PJay)*: hoa văn hình sao tám cánh lớn nhỏ, hoa lớn ở giữa là hoa mẹ, hoa nhỏ xung quanh là các hoa con, các hoa con có sự liên kết với hoa mẹ bằng những đường chỉ màu trắng, đỏ. Hoa văn trên khăn được thêu với hai màu tím và trắng. [xem phụ lục, ảnh số 3.48].

Ở *Áo (Gấy Gam)* của phụ nữ Dao Quần Trắng thường sử dụng những hình hoa văn như: cửa tay áo thêu hoa văn hình Chân Rết, sau cổ áo là một đường hoa văn hình:  (Ti Vênh), dọc sống lưng áo là hai đường chỉ màu trắng hình:  (Đi cân Phẳng): Hoa sống lưng), Giữa lưng áo là hoa văn:  (Tây Phẳng). Giữa hai thân trước mỗi bên có hai bông hoa tám cánh  (Các Píp) thêu màu đỏ, vàng. Gấu áo có hoa văn hình hoa tám cánh, hình: 

(Cháp Nhảy: Hoa con cua), hình \triangle (Ca Điu: Hoa chuối) thêu màu trắng, đỏ. [xem phụ lục, ảnh số 3.49, 3.50].

Ở *Yếm (Ti Phàm)*: phần thân trên hình thang thêu hình hoa tám cánh và những đường thêu hình sóng nước. Toàn bộ mảng hoa văn này gọi là: Lau Thỉnh: Hoa Lưu, mảng hoa văn này được thêu sẵn khi nào may yếm thì đắp vào. [xem phụ lục, ảnh số 3.52].

Phần thân yếm hình chữ nhật, giữa là một mảng hoa văn dệt bằng chỉ đen trên nền trắng đó là các hình thoi nối tiếp nhau và hình hoa tám cánh mảng này gọi là Diệu Thau Moan: dấu chân hổ, dưới cùng là hình hoa tám cánh (Ti No Phăng) và hình: ~~XXX~~ (Tăng Chà) [xem phụ lục, ảnh số 3.51]. Yếm có dây buộc ra sau lưng để giữ cho chắc khi mặc. Trên cổ yếm, ở hai bên có hai khuyết bằng vải dùn để móc và vòng nhôm (Ti Phàm Cổ)

Trên *Quần (Khọa)*: điểm khác biệt là quần của người Dao Quần Trắng không thêu hoa văn, quần màu trắng chỉ dành cho cô dâu trong ngày cưới. còn ngày thường và lễ hội nữ giới mặc quần màu chàm, cắt khâu theo kiểu chân què. Trước đây là cạp, là toạ nhưng nay được thay bằng chun hoặc luồn dây rút.

Ở *Dây lưng (Làng Thay)*: áo phụ nữ d không có khuy cài, nên mặc áo phải sử dụng dây lưng, dây lưng là một dải vải dệt bằng chỉ màu dài từ 120 cm – 150 cm, rộng từ 1,5 cm – 3 cm, hai đầu có tua dài khoảng 20 cm. Màu sắc được sử dụng là màu đen, đỏ và trắng. Hoa văn dệt trên dây lưng là: \blacksquare (Dặng Bu Nhìn: hạt bí đao), hình: \blacktriangledown (Du Tem Páy: múi dao nhọn), hình:(Lau Nom: Lá cây nứa), hình: \blacklozenge (Kém: Quả Trám). [xem phụ lục, ảnh số 3.53].

Và trên *Xà cạp (Kéo Thau)*: là một mảnh vải màu chàm hoặc đen, có hình đuôi nheo, trên nền không trang trí hoa văn, mà chỉ mẹp vải màu đỏ, có dây để quấn quanh bắp chân khi quấn và có đầu tua. [xem phụ lục, ảnh số 3.32].

Có thể thấy hoa văn được sử dụng trên trang phục của người Dao Quần Trắng không đơn thuần chỉ là những yếu tố làm đẹp mà còn là môi giao cảm giữa con người với thiên nhiên, với cộng đồng, là sự biểu hiện lạng lẽ của tín ngưỡng truyền thống. Hoa văn từ tổng thể đến chi tiết đều toát lên cách nhìn, lối tư duy độc đáo của sự sáng tạo cá nhân trong mối quan hệ cộng đồng. Hoa văn là một dạng thức tái hiện các yếu tố trong tự nhiên, được ghi chép qua ấn tượng, được sàng lọc và định hình qua tư duy và được biểu hiện qua xúc cảm thẩm mỹ, qua kỹ năng của con người. Từ thực tiễn sinh động, cỏ cây, hoa lá cũng như muôn vàn hiện thực phong phú đa dạng đã được bàn tay và khối óc của con người sáng tạo, cách điệu và biểu hiện. Hoa văn đó trở thành phương tiện để biểu hiện nội tâm, biểu hiện thế giới quan, nhân sinh quan của người sáng tạo và sử dụng kể cả ở góc độ cá nhân hay cao hơn là tập quán của cộng đồng.

Trang phục của người Dao Quần Trắng hầu như không có sự biến đổi về hoa văn truyền thống trong thời gian dài. Chính sự ngưng đọng ấy làm cho việc nghiên cứu càng lý thú. Nhận xét đầu tiên cho thấy, trang phục cổ truyền của người Dao còn lưu lại đến ngày nay những mô típ hoa văn và bố cục là hồi âm của nhiều đời người. Như vậy: về một phương diện nào đó, việc nghiên cứu hoa văn sẽ góp phần làm sáng tỏ thêm một chiều quan trọng về lịch sử.

Ở trang phục của phụ nữ Dao Quần Trắng có hai loại hình hoa văn, hoa văn hình học và hoa văn tả thực.

Hoa văn hình học là những hình ảnh của thiên nhiên cuộc sống con người được cách điệu đưa vào để trang trí hoặc có thể chỉ là những đường thẳng, đường gấp khúc mang ý nghĩa trang trí đơn thuần có thể kể đến: hoa văn hình Hoa Tám Cánh, hoa văn hình Chân Rết ở cửa tay áo, rồi hoa văn hình Sóng Nước ở Yếm, hay những hoa văn không có tên cụ thể được thêu và

dệt ở những vị trí nhất định như: hoa văn sau cổ áo gọi là (*Ti Vênh*), hoa văn dọc sống lưng áo gọi là (*Đi cấn Phăng*), hoa văn giữa lưng áo gọi là (*Tây Phăng*) và hoa văn dưới gấu Yếm gọi là (*Tăng Chà*). Theo suy đoán của một số người già trong thôn, thì nó có liên hệ với mặt trời, đất và nước thể hiện ước vọng chung sống hòa bình với thiên nhiên, đất trời, vũ trụ.

Hoa văn tả thực đều là những hình ảnh tả thực, thể hiện óc sáng tạo của người Dao Quần Trắng trước cuộc sống thiên nhiên, từ xa xưa họ đã đưa ra những hình ảnh cách điệu mô phỏng khá khái quát, nhưng vẫn mang tinh thần của tự nhiên. Thể hiện con mắt thẩm mỹ và sự yêu chuộng thiên nhiên, ôn hòa, gần gũi, thể hiện cuộc sống chan hòa, bình dị của người Dao Quần Trắng giữa con người với con người, giữa con người với thiên nhiên có thể thấy như: hoa văn hình người trên mũ cô dâu, hoa văn hình Con Cua được cách điệu bằng những đường thẳng đường gấp khúc nhưng vẫn mang dáng vẻ của tự nhiên, hay hoa văn hình hoa chuối, rồi hoa văn hình là cây Nứa, hoa văn hình hạt Bí Đào, hình Quả Trám và những hoa văn hình cây cỏ.

2.5. Một số thay đổi của bộ trang phục cổ truyền

Về vải may trang phục, hiện nay, người Dao Quần Trắng ở thôn Văn Nham không còn trồng bông để dệt vải tự túc đồ mặc. Nếu họ muốn dệt thì mua chỉ từ chợ về mắc vào khung để dệt yếm, dây lưng mà thôi. Nhiều em nhỏ không còn biết cái khung dệt của cha ông mình ra sao. Ở chợ bán rất nhiều loại vải, thậm chí có đủ vải tấm, vải thô, vải phin [xem phụ lục, ảnh số 3.45] loại vải này về hình thức và chất lượng không thua kém vải bông truyền thống, giá cả hợp lý với khả năng kinh tế của người dân.

Về màu sắc, kỹ thuật chế biến thuốc nhuộm theo phương pháp cổ truyền đã không còn từ 30 – 40 năm nay. Cây chàm để nhuộm màu chàm, nhiều nơi người ta đã không trồng nữa. Phổ biến, họ mua cao chàm bán ở chợ hoặc mua vải nhuộm sẵn màu chàm. Các màu khác như: xanh lá cây, vàng, đỏ, được

người Dao nhuộm bằng thuốc nhuộm công nghiệp bán trên thị trường. Hiện tại, người ta mua chỉ công nghiệp để thêu chứ cũng không mua thuốc nhuộm về tự nhuộm chỉ. Vải in hoa đã có mặt trong bộ đồ cổ truyền, nhưng còn chiếm tỉ lệ nhỏ, như: nẹp đắp bên trong cửa tà, gấu, cửa tay áo. Những miếng vải hình vuông trắng hoặc đỏ đắp dưới gấu áo đã được thay bằng vải hoa. [xem phụ lục, ảnh số 3.39].

Về cắt may, cách cắt may bộ đồ cổ truyền hầu như ít thay đổi. Người ta vẫn cắt quần áo trên cơ sở vải tấm tính theo vuông. Nếu vải công nghiệp khổ rộng, trước khi cắt người ta dọc đôi hoặc dọc ba khổ vải đó ra để có khổ vải tương ứng với khổ vải cổ truyền. Điều đáng chú ý là đến nay người ta chưa biết cắt quần áo theo công thức nên cắt áo hoặc quần cho ai người ta lấy vải ước lượng trực tiếp vào người đó để tính số vải cần thiết. Nhiều cô gái Dao ở độ tuổi 18 – 25 đã không tự cắt được quần áo truyền thống cho mình mà phải nhờ người lớn tuổi cắt hộ. Xưa kia phải khâu bằng tay, nay nhiều người đã có máy khâu, cả thôn có khoảng 3 đến 5 cái máy may của từng hộ gia đình, chứ không có quán may, muốn đi thêu may phải ra trung tâm xã ở đó mới có quán may trang phục người kinh và sửa đồ nếu muốn. Nhưng chỉ người trẻ dùng được và họ để may như bộ quần áo người Kinh đơn giản, còn người già thì vẫn khâu tay.

Về kĩ thuật thêu cổ truyền, nay còn được duy trì nhưng đang có nguy cơ mai một dần. Bởi lẽ công việc này phải có quá trình rèn luyện và làm thường xuyên mới nâng cao được tay nghề. Trước đây các cô bé mới 8,9 tuổi đã tập thêu dưới sự hướng dẫn của người lớn (chị gái, mẹ...). Còn giờ đây công việc này, nhiều cô gái Dao Quần Trắng có phần chảnh mắng nên đường kim mũi chỉ không còn được trau chuốt, mượt mà như xưa. Điều đáng quan tâm là các mẫu thêu cổ truyền hay còn được giữ lại hầu như nguyên vẹn, nhưng là đồ được truyền lại từ nhiều đời trước, còn giờ đây phần lớn là bị lai tạp, đắp nổi

với vải hoa thay vì thêu hoa văn hoặc vải màu trắng đỏ truyền thống. [xem phụ lục, ảnh số 3.37, 3.39]. Một phần cũng do xu thế tiếp cận xã hội mạnh mẽ hơn, có quá nhiều nguồn thông tin, những cái mới cuốn hút những người trẻ, như internet, mạng xã hội, sự giao lưu làm ăn buôn bán với nhiều nơi khác...khiến họ cảm thấy hứng thú hơn và không còn nhiều thời gian để tâm đến truyền thống.

Tiểu kết chương 2

Quá trình làm ra bộ trang phục của nữ giới ở Xã Hùng Đức - Huyện Hàm Yên - Tỉnh Tuyên Quang là một hoạt động nội tại trong đời sống tộc người Dao Quần Trắng. Sản phẩm đó mang yếu tố văn hoá vật chất và tinh thần, đó là quá trình lao động lâu dài bền bỉ khéo léo qua nhiều thế hệ, một phần không thể thiếu trong kho tàng giá trị văn hoá của người Dao Quần Trắng.

Bộ trang phục là kết quả của một quá trình sản xuất với nhiều công đoạn khác nhau, chỉ sử dụng phương pháp thủ công để nói lên trình độ, kỹ năng, kỹ xảo của người dân và những ý tưởng nghệ thuật đặc sắc mà họ gửi gắm thông qua những hoạ tiết hoa văn trang trí. Kỹ năng đó được trao truyền qua nhiều thế hệ, được duy trì bảo lưu một cách tốt nhất. Để từ đó ta thấy được giá trị văn hoá truyền thống, văn hoá cộng đồng mang đặc tính tộc người.

Sản phẩm văn hoá đó thể hiện lối sống, nếp sống của tộc người Dao Quần Trắng, mà điển hình là người phụ nữ, bởi họ đóng vai trò quan trọng nhất trong việc tạo ra bộ trang phục.

Với cách tạo hình trên trang phục mang lại một bản sắc riêng từ cách cắt may, kỹ thuật khâu, phối màu, cách xử lý hoạ tiết hoa văn đưa đến cho người mặc, người xem một cảm quan thẩm mỹ hài hoà tinh tế, ích dụng và mang phong cách riêng. Để từ đó đưa ra một bộ trang phục truyền thống mang bản sắc riêng của người Dao Quần Trắng từ: *khăn đội đầu, áo dài, yếm, dây lưng,*

quần, xà cạp và trong *đồ trang sức* như: vòng cổ, vòng tay và nhẫn, khuyên tai và xà tích. Từ giá trị sử dụng đến giá trị nghệ thuật đã phản ánh tư duy thẩm mỹ vô cùng đặc sắc của người Dao Quần Trắng. Tuy nhiên, trong dòng chảy của xã hội đương đại tất cả đã bị mai một nhiều, biến đổi theo xu thế mới trên cả hai mặt tạo hình và trang trí trên trang phục cũng như đồ trang sức. Biến đổi ở chất liệu tạo ra trang phục như vải may trang phục, về màu sắc, kỹ thuật chế biến thuốc nhuộm, cắt khâu (may), về kỹ thuật thêu cổ truyền.v.v... tất cả đã thay đổi rất nhiều, cần cả cộng đồng nhìn nhận một cách nghiêm túc và đưa ra những biện pháp bảo tồn cho văn hóa trang phục của người Dao Quần Trắng.

Chương 3

NHỮNG GIÁ TRỊ VÀ VẤN ĐỀ BIẾN ĐỔI CỦA BỘ TRANG PHỤC NỮ NGƯỜI DAO QUẦN TRẮNG

3.1. Giá trị nghệ thuật và thẩm mỹ

Giá trị nghệ thuật và thẩm mỹ trên trang phục của người Dao Quần Trắng xã Hùng Đức được lưu giữ, bảo tồn và thể hiện rõ nét trên bộ trang phục cổ truyền của phụ nữ Dao Quần Trắng gồm khăn đội đầu, áo dài, yếm, dây lưng, quần, xà cạp.v.v...

Khăn đội đầu truyền thống của phụ nữ Dao Quần Trắng là một vuông vải trắng (40x40cm) được thêu những họa tiết hoa văn trang trí. Với việc sử dụng một mảnh vải vuông có độ rộng vừa phải để làm, khăn đội đầu thể hiện sự giản dị, nền nã của người phụ nữ. Mô típ trang trí trên khăn là những hình sao tám cánh đan xen nhau nhịp nhàng, cùng nhiều kích thước to nhỏ khác nhau tạo sự cân đối hài hòa trong tổng thể bố cục. Bên cạnh đó, người Dao Quần Trắng sử dụng màu sắc khá uyển chuyển, tinh tế, không quá nhiều màu, chỉ có màu trắng và màu đỏ trên nền vải chàm đậm nhưng độ tương phản nhẹ nhàng, dịu mắt. Nhìn vào tổng thể, lối tạo hình hoa văn cũng như sự kết hợp màu sắc hài hòa trên khăn, đã tạo nên một gam màu ấm áp, như xua đi sự lạnh giá nơi núi rừng, làm vui và ấm áp hơn cuộc sống vùng sơn cước.

Cùng với *khăn đội đầu* là chiếc *áo dài* một chiếc áo màu chàm, thêu rất ít hoa văn, một chút hoa văn hình chân rết ở cổ tay, một chút hoa văn hình sao tám cánh ở giữa thân áo, dọc tay áo, dọc sống lưng, nhắc lại hoa văn ở sau cổ áo và thắt lưng. Những hoa văn hình sao tám cánh và hình hoa con cua được nhắc lại nhỏ nhắn ở gấu áo hay một chút vải trắng, đỏ so le nhau đắp ở nếp thân trước, ít nhưng vừa đủ, không rườm rà nhưng tinh tế. Trên khăn đội đầu có sự thay đổi linh hoạt trong kích thước hoa văn, có chính phụ rõ ràng, như một chút kéo họa tiết, kéo màu từ khăn đội đầu xuống áo. Họa tiết chủ yếu sử

dụng trên áo là hình sao tám cánh, hình kỷ hà, hình hoa văn tả thực: hình con cua, hình hoa chuối như hòa mình cùng thiên nhiên núi rừng. Hình ảnh mang tính biểu tượng rất cao, vừa tinh tế vừa gần gũi thể hiện sự giao hòa, cộng cảm giữa con người với thiên nhiên, giữa con người với con người trong suốt chiều dài lịch sử.

Dây lưng của phụ nữ Dao Quần Trắng là sự kết hợp với sợi dây lưng nhỏ nhắn ngang hông, vừa mang tính ích dụng trong cuộc sống thường ngày, vừa để thắt eo ở ngang chiếc áo dài, vừa tạo dáng cho trang phục, hay đối với các bà các mẹ ăn trâu, sẽ gài túi đựng trâu vào dây lưng đằng sau, hoặc khi lên nương có thể cài con dao nhỏ. Dây lưng là điểm nhấn nhẹ nhàng duyên dáng của người phụ nữ, nổi bật trên nền áo chàm đơn giản. Chiếc dây lưng dệt bằng chỉ nhiều màu khá rực rỡ cùng với những hoa văn hình học cơ bản, tạo sự rộn ràng thú vị cho tổng thể bộ trang phục, cách buộc dây lưng làm gọn gàng ở phần eo, làm gọn chiếc áo dài và phô diễn được vẻ đẹp cơ thể người phụ nữ

Yếm của phụ nữ Dao Quần Trắng là phần hội tụ trang trí đẹp, tập trung ở ngực, màu trắng có họa tiết, nổi bật trên nền áo chàm ngoài, làm tôn lên vẻ đẹp nữ tính của người Dao Quần Trắng. Cách trang trí và màu sắc trên yếm giản dị, hài hòa nhưng vẫn khoe được cái tài, cái khéo của người phụ nữ Dao Quần Trắng. Điểm nhấn màu trắng của chiếc yếm có hoa văn làm tôn vẻ đẹp vừa kín đáo, vừa thu hút cái nhìn, vừa phô diễn được sự khéo léo trong cách dệt, thêu của người phụ nữ. Xuyên suốt cả bộ trang phục là sự nền nã của màu chàm, rực sáng lên bằng một vài điểm nhấn hoa văn, nhưng trên tất cả là sự hội tụ tinh hoa ở chiếc yếm, chiếc yếm như điểm nhấn mạnh, hút mắt người quan sát vào trọng tâm của bộ trang phục, không cần nói nhiều nhưng nói đủ có lẽ đó là cách thể hiện trang phục của người phụ nữ Dao Quần Trắng. Đủ để

người ta thấy cái hay, cái quý, sự tinh tế trong từng đường kim mũi chỉ, nó như phản ánh linh hồn của chủ nhân làm ra nó.

Chiếc *quần* là đặc điểm nhận biết rõ rệt nhất của tộc người Dao Quần Trắng, bởi chỉ có tộc người này mới mặc quần trắng. Chiếc quần trắng là vật được coi trọng, nó mang ý tổ tâm linh sâu sắc nên được mỗi người cất giữ rất cẩn thận. Quần màu trắng dành cho cô dâu trong ngày cưới, ngày thường phụ nữ mặc quần màu chàm. Với lối cắt khâu theo kiểu chân què thủ công. Người con gái nào trước khi về nhà chồng cũng phải sắm cho mình một bộ trang phục tươm tất. Chiếc quần trắng họ tự khâu để mặc và giữ gìn như một kỷ vật thiêng liêng. Quần rộng rãi, thoải mái khi làm việc và độ ngắn vừa đủ cân đối với độ dài chiếc áo. Đối với bộ trang phục cưới và phù dâu quần trắng sẽ là điểm nổi bật, tạo cân đối màu với chiếc yếm. Bên cạnh đó chú rể, phù rể, thầy cúng.v.v...những người trong nghi lễ cưới đều mặc quần trắng.

Xà cạp là một mảnh vải màu tạo điểm nhấn trên bắp chân, tạo độ nhấn màu sẫm trở lại dưới chân, cùng sợi tua nhiều màu làm cho bộ trang phục thêm phần chỉnh chu, ngăn nắp, đồng thời cũng là một điểm nhấn đẹp trên bộ trang phục. Người Dao Quần Trắng cũng chỉ quấn xà cạp trong lễ cưới, như vậy, xà cạp vừa có tính chất làm bắp chân thon hơn và điểm chạy màu sẫm xuống. Nếu chỉ có chiếc quần trắng ở phần dưới với chiếc áo dài màu chàm sẽ tạo độ lệch màu lớn, tổng thể không khắc chấn. Do đó, có thêm chiếc xà cạp quấn chân tạo sự chỉnh chu và hài hòa cho tổng thể bộ trang phục.

Về mô típ trang trí và những điểm trang trí đủ và đắt. Phần nẹp trên áo cũng góp phần làm đẹp và làm áo dài không cứng, nặng

Nhìn tổng thể bộ trang phục như một tác phẩm nghệ thuật tạo hình và trang trí tỉ mỉ công phu, là kết quả đúc kết của quá trình lao động, sáng tạo mà từ bao đời nay những người phụ nữ Dao Quần Trắng đã tìm tòi, sáng tạo và lưu truyền cho đến ngày này. Họ thêu hoa văn không cần mẫu, xưa kia chỉ

dùng để thêu thường là sợi tơ tằm vừa to vừa bền lại giữ được màu. Nhưng ngày nay là sản phẩm chỉ đều là mua ở chợ. Ở họ có cái nhìn khái quát, giàu óc tưởng tượng, hoàn toàn dựa vào trí nhớ để thêu hoa văn. Nhiều người khi thêu đã thuộc màu ưa thích, họ không cần nhìn màu, không cần nhìn mẫu mà vẫn thêu được những họa tiết theo ý muốn. Khi thêu, người phụ nữ thường tính toán tỷ mỉ từng đường kim mũi chỉ, kích thước trên toàn bộ hoa văn trong mảnh vải, vì thế khi dệt vải họ đã tính đến khả năng sắp xếp các họa tiết hoa văn. Kỹ thuật thêu hoa văn càng phức tạp, đòi hỏi người phụ nữ phải kiên trì, cẩn thận vì nếu sơ ý nhầm một mũi kim, mũi thêu sẽ bị sai lệch. Họa tiết hoa văn trên nền trang phục Dao Quần Trắng chủ yếu là các hoa văn hình học. Đó là những đường xiên, đường thẳng, viền đậm dài hoặc gãy góc, tạo ra các khối hình vuông, chữ nhật, hình thoi.v.v... Những họa tiết trên trang phục thường mang tính chất ước lệ hoặc những họa tiết hoa văn tả thực như hình hoa con cua, hình người, hình con rết, hình cây cỏ, hình mũi dao, lá cây nứa, sóng nước.v.v...

Đặc biệt trên mũ của cô dâu hay trên mũ trẻ em thường thêu hình người, nhưng ý muốn thần linh bảo vệ cho đời sống được an lành hạnh phúc. Bảng màu của người Dao Quần Trắng thực ra không nhiều, chủ yếu xuất hiện 5 loại màu, đó là: đỏ, đen, vàng, trắng, xanh lá cây. Để tạo nên màu chàm sẫm, người phụ nữ Dao Quần Trắng phải tiến hành nhiều công đoạn thủ công cầu kỳ tỉ mỉ, ngày nay trên thị trường có nhiều loại vải nên người dân mua vải công nghiệp là chủ yếu.

Không chỉ vậy, nghệ thuật tạo hình dân gian trên trang phục thổ cẩm đã thể hiện sự cần cù, chăm chỉ, đôi bàn tay khéo léo, trí tưởng tượng phong phú của người phụ nữ Dao Quần Trắng. Nó đã phản ánh được những giá trị văn hoá, giá trị thẩm mỹ, góp phần tạo thêm sự phong phú, đa dạng trong đời sống

văn hoá, tinh thần của người Dao Quần Trắng ở thôn Văn Nham nói riêng và xã Hùng Đức nói chung.

Cùng với việc sử dụng gam chủ đạo là màu chàm, được đan xem những họa tiết thêu tay, hoặc những mảnh ghép vải màu đỏ, trắng, làm nhiệm vụ giữ lại thế cân bằng thị giác, cũng như làm ấm lên bức tranh cuộc sống nơi núi rừng. Vẻ đẹp của trang phục là vẻ đẹp của thẩm mỹ nông nghiệp, của kỹ thuật thủ công. Trang phục và những giá trị thẩm mỹ của nó đã góp phần đáng kể làm rạng rỡ thêm sắc thái văn hóa của dân tộc mình.

Bên cạnh đó, sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố màu sắc, cách phối màu nên nã có trọng tâm, điểm nhấn rõ ràng, có sự tương phản giữa các sắc độ sáng tối, hoa văn trang trí và cách bố cục trên trang phục cũng là một sự sáng tạo không ngừng qua thời gian. So với dân tộc Dao đỏ rực rỡ, phô diễn nhiều hơn, Dao Quần Trắng có bảng màu khiêm tốn, diện tích trang trí nhỏ nhưng vẫn làm nổi bật được những điểm quan trọng. Để bộ trang phục vừa ích dụng mà vẫn mang giá trị thẩm mỹ cao, phản ánh tư duy đơn giản nhưng không hề đơn điệu, kín đáo mà duyên dáng của người phụ nữ Dao Quần Trắng.

Đồ trang sức thường có: vòng cổ, vòng tay và nhẫn, khuyên tai và xà tích, được phụ nữ người Dao Quần Trắng rất ưa thích, họ đeo nó ở bất kỳ đâu, trong cuộc sống lao động hàng ngày đặc biệt làm trong lễ hội. Phụ nữ luôn đeo khuyên tai và vòng tay vòng cổ có thể bằng bạc hoặc bằng đồng, bên cạnh đó là nhẫn, xà tích, ngày thường phụ nữ Dao Quần Trắng chỉ đeo một chiếc vòng cổ, nhưng ngày lễ hội họ đeo nhiều hơn 3 đến 5 chiếc. Trên nền váy chàm xanh, khăn màu hồng đậm, trang sức bạc trắng tôn lên vẻ rạng rỡ, sáng ngời của cô gái Dao. Trang sức không chỉ làm đẹp cho hình thức con người mà còn là biểu tượng của tình yêu và sự nối kết giữa các thế hệ xuyên suốt thời gian qua các thời đại, nó sẽ được gìn giữ, lưu truyền từ thế hệ này

sang thế hệ khác. Những đồ trang sức này sẽ được họ giữ lại như bảo vật của gia đình, dòng họ và sẽ trao lại cho con cháu sau này.

3.2. Giá trị văn hóa

Như GS. Ngô Đức Thịnh đã viết trong cuốn “Trang phục cổ truyền các dân tộc ở Việt Nam”(2000), “Trang phục không chỉ là vật bảo vệ cơ thể chống lại những điều kiện bất lợi của môi trường, mà ngay từ thời nguyên thủy, trang phục còn là vật trang trí làm đẹp cho cơ thể. Do vậy ở loại vật dụng thường xuyên như áo quần ấy, mỗi dân tộc đều có những cách thức may, trang trí riêng, thể hiện tâm lý, truyền thống của mình, có ý thức rõ rệt là thông qua quần áo phân biệt dân tộc mình với dân tộc khác. Do vậy ở mỗi dân tộc sớm có quy cách riêng về ăn mặc, phù hợp với giới tính lứa tuổi, địa vị xã hội... có khi rất nghiêm ngặt khiến mọi người phải nhất nhất tuân theo” [23,tr.10].

Trên cơ sở nghiên cứu về bộ trang phục truyền thống người Dao Quần Trắng ở thôn Văn Nham đưa tới những nhận định sau: bộ trang phục truyền thống, đặc biệt trang phục nữ người Dao Quần Trắng thể hiện văn hóa tộc người.

Trang phục phản ánh đặc trưng đời sống tộc người. Các sinh hoạt văn hóa truyền thống luôn bám chắc vào cuộc sống cộng đồng. Được cộng đồng sản sinh, lưu giữ và phát triển, trở thành một yếu tố trong cuộc sống. Văn hóa tộc người, còn là sự khác biệt giữa mỗi tộc người thể hiện những nét đặc sắc riêng: như trang phục người Dao khác người Thái, Mông.v.v...Đối với trang phục của người Dao Quần Trắng cũng vậy, không chỉ đáp ứng nhu cầu vật chất mà còn đáp ứng được nhu cầu thẩm mỹ.

Thông qua yếu tố kỹ thuật như cách dệt, khâu, ghép vải và tạo hoa văn trên vải cho thấy người Dao Quần Trắng đã biết vận dụng nhiều kỹ năng, kỹ xảo một cách thuần thục. Mỗi phương pháp cần phải có những kỹ thuật riêng

mà họ luôn biết tận dụng những yếu tố đặc sắc để bổ sung cho nhau tạo thành một tác phẩm nghệ thuật hoàn chỉnh trên trang phục.

Những thành quả ấy tưởng chừng như một công việc thường nhật được thực hiện vào những lúc nông nhàn rảnh rỗi nhưng lại mang đầy đủ những yếu tố của nghệ thuật sáng tạo, được hình thành bởi những giờ lao động sôi nổi và chăm chỉ của các chị em phụ nữ. Đây cũng là tính chất tiêu biểu của xã hội người Dao Quần Trắng nói riêng và của tộc người nói chung.

Hầu hết các mô típ hoa văn để diễn tả cuộc sống thường nhật và thiên nhiên muông thú. Cho thấy mối quan hệ mật thiết không thể tách rời giữa con người và thiên nhiên, một sự hòa đồng, gắn bó tương trợ lẫn nhau để sinh tồn. Đồng thời đó cũng là sự giải thích cho lý do mà chúng xuất hiện trên từng loại hình trang phục, qua đó phản ánh tâm tư tình cảm, cái nhìn, nếp nghĩ, nếp tư duy của người làm ra nó đối với cuộc sống xung quanh. Những người phụ nữ lớn tuổi thường có lối thể hiện quy phạm, dập khuôn, còn các thiếu nữ thì thể hiện có phần nhẹ nhàng, linh hoạt và phóng khoáng hơn.

Bên cạnh đó, trang phục được tạo hình và trang trí đẹp mắt còn là thước đo tài năng và đức hạnh của phụ nữ Dao Quần Trắng. Người giỏi thêu thùa được đề cao, coi trọng từ gia đình đến ngoài xã hội. Đối với thiếu nữ, việc học hỏi thêu thùa là một bổn phận, khi trở thành người vợ, người mẹ, phụ nữ Dao Quần Trắng vẫn tiếp tục thêu thùa, khâu vá lo trang phục cho chồng con, dạy bảo con gái học thêu thùa. Trở về già, họ còn lo thêm bộ trang phục tươm tăt cho mình lúc về gặp tổ tiên. Cứ vậy với chu kỳ đời người phụ nữ, nghệ thuật tạo hình và trang trí trên trang phục như tín hiệu văn hóa được lưu giữ, trao truyền qua nhiều thế hệ, bản sắc văn hóa tộc người luôn được phát triển liên tục. Cuộc đời mỗi người phụ nữ cứ như thế êm đềm trôi qua và mang theo trên đó những dòng chảy hoa văn ẩn hiện trên đôi bàn tay tài hoa của họ

Bên cạnh đó còn *thể hiện đời sống*: nó gắn liền với triết lý cộng đồng thông qua từng hình tượng nghệ thuật và cách thể hiện khi đưa vào bộ trang phục, mà giá trị căn bản nhất là bảo vệ sự sinh tồn của tộc người mình, người Dao Quần Trắng luôn đề cao giá trị cố kết cộng đồng. Trong ý thức cộng đồng, người Dao Quần Trắng có nét đặc thù là đề cao cộng đồng huyết thống như gia đình, dòng họ. Đặc điểm này phản ánh đậm nét trong các hoa văn trên trang phục. *Hoa văn hình người* trên mũ cô dâu và mũ trẻ em là biểu hiện sự bao bọc, tương trợ của tổ tiên lên con cháu, cho cô dâu mới, cho trẻ nhỏ được khỏe mạnh, bình an, may mắn. Hoa văn hình *dấu chân Hổ* thể hiện uy quyền, sự thịnh vượng, xung túc cho gia đình dòng họ, hoa văn hình mũi dao nhọn thể hiện sự tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau khi gặp khó khăn hoạn nạn.v.v... hoa văn hình *con Cua* là phản ánh tư duy nông nghiệp lúa nước của người Dao Quần Trắng. Hay những hình ảnh quen thuộc đối với đồng bào vùng cao là: ruộng Bí, vườn Chuối, đồi Tre, đồi Nứa cũng được đưa vào làm hình ảnh trang trí: họa tiết lá cây nứa, hạt bí ngô, hoa lựu, hoa chuối, hình quả Chám luôn là hình ảnh quen thuộc của người Dao Quần Trắng. Đây là những mẫu hoa văn được họ ưu thích trang trí nhiều nhất trong gấu áo, ống tay áo và dây lưng. Có thể thấy rằng qua thực tiễn lao động sản xuất, bằng sự quan sát tinh tế, người phụ nữ Dao Quần Trắng đã khái quát hóa những hình ảnh quen thuộc thành những hình tượng nghệ thuật giàu thẩm mỹ.

Thông qua các mối liên hệ với nhau, các sản phẩm dệt còn là một yếu tố liên kết khối cộng đồng. Hoa văn trang trí chính là tín hiệu để biểu đạt tâm tư mà người ta dễ cảm nhận, dễ gần gũi nhất. Và rồi khi những tín hiệu đó là tài sản chung thì nó sẽ trở thành biểu tượng của cộng đồng. Mặt khác, hoa văn còn là tín hiệu để thể hiện mối quan hệ giữa các tộc người khác nhau đó là sự vay mượn sao chép trên trang phục.

Theo nguồn tri thức dân gian của người trong thôn Văn Nham, trong phong cách trang trí và tính quy phạm của các loại hoa văn với màu sắc của nó cũng thể hiện những phong tục trong cộng đồng. Hoa văn ngôi sao tám cánh biểu tượng của *bát tinh cát tường*: số tám trong tiếng Hán Việt là *bát*, với ý nghĩa ngôi sao tám cánh mang lại những điều may mắn hạnh phúc cho chủ nhân. Hoa văn hình sóng nước.v.v... biểu hiện không gian và thời gian mong ước trời đất an hòa, mùa màng bội thu. Mũ trẻ nhỏ Dao Quần Trắng ở Hùng Đức, ở đỉnh đầu có thêu hình người, theo quan niệm của người Dao Quần Trắng đây là biểu tượng cho sự bảo vệ sức khỏe cho trẻ nhỏ. Những sợi tua nhiều màu sắc trên mũ tượng trưng cho cầu vòng ngăn thần rắn, ngăn những ma quỷ ở thế giới nước.v.v...

Trang phục phản ánh sự giao thoa văn hóa tộc người, trong quá trình sinh sống, lao động sản xuất, buôn bán trao đổi hàng hóa, trao đổi sản phẩm làm ra, trong quá trình đó có sự giao thoa văn hóa trong tiếng nói, chữ viết, kinh nghiệm lao động.v.v...và trang phục cũng vậy, đồng bào luôn có xu hướng tìm đến cái mới, cái lạ, do đó không tránh khỏi sự sao chép vay mượn ngôn ngữ thể hiện.

Trong lĩnh vực dệt vải may mặc, sự giao thoa văn hóa thể hiện rất rõ ở các loại hình như: công cụ dệt là khung cửi hầu như là giống nhau, kỹ thuật dệt và chu trình dệt cũng giống nhau chỉ là với kỹ thuật đó mỗi tộc người sẽ vận dụng sáng tạo của riêng mình để đưa ra những hình thức hoa văn khác nhau mà thôi, cách tạo dáng cũng vậy như chiếc quần là cắt theo lối chân què hay can đũng đây là lối cắt may của rất nhiều nhóm dân tộc thiểu số, hay trong màu sắc thể hiện cũng luôn sử dụng những màu chủ đạo như: đỏ, vàng, xanh, trắng, đen.v.v...và gam màu ưa thích của hầu hết đồng bào là gam màu nóng, rực rỡ.

Sự giao thoa còn sâu đậm hơn khi người của hai dân tộc khác nhau kết duyên với nhau, trao đổi tình cảm giữa những đôi trai gái yêu nhau. Họ trao cho nhau những chiếc khăn thêu, những chiếc túi, những hình dạng trang trí mang nhiều ý nghĩa thể hiện tình yêu đôi lứa. Khi đó văn hóa giữa hai cộng đồng có sự kết hợp đan xen, để người phụ nữ ảnh hưởng sâu sắc văn hóa của nhà chồng mà đưa vào những hình ảnh trên trang phục sau này. Tất cả những vấn đề đó tựu chung lại là sự thể hiện về ý nghĩa giao lưu văn hóa.

Quy trình sản xuất hoàn toàn thủ công, được thực hiện trên khung cửi tự tạo và chủ yếu là do người phụ nữ thực hiện nhưng vẫn có sự trợ giúp của người đàn ông trong quy trình này. Cách tạo hình trang trí và sử dụng trang phục theo những đặc điểm văn hóa riêng của mình. Đó là sự thể hiện của một trình độ thẩm mỹ khá cao, một đời sống tâm hồn giàu chất mỹ cảm nguyên sơ mà phong phú, hòa quyện, chan hòa với cảnh sắc thiên nhiên.

3.3. Những nhận định xung quanh việc biến đổi trang phục nữ người Dao Quần Trắng ở thôn Văn Nham

Như đã trình bày cụ thể ở chương 2, việc biến đổi trang phục nữ người Dao Quần Trắng ở thôn Văn Nham về nhiều phương diện như trên vải may trang phục, hiện nay, người Dao Quần Trắng ở thôn Văn Nham không còn trồng bông để dệt vải tự túc đồ mặc. Nếu họ muốn dệt thì mua chỉ từ chợ về mắc vào khung để dệt yếm, dây lưng mà thôi.

Về màu sắc, kỹ thuật chế biến thuốc nhuộm theo phương pháp cổ truyền đã không còn từ 30 – 40 năm nay. Cây chàm để nhuộm màu chàm, nhiều nơi người ta đã không trồng nữa. Phổ biến, họ mua cao chàm bán ở chợ hoặc mua vải nhuộm sẵn màu chàm. Các màu khác như: xanh lá cây, vàng, đỏ, được người Dao nhuộm bằng thuốc nhuộm công nghiệp bán trên thị trường. Hiện tại, người ta mua chỉ công nghiệp để thêu chứ cũng không mua thuốc nhuộm

về tự nhuộm chỉ. Vải in hoa đã có mặt trong bộ đồ cổ truyền, nhưng chiếm tỉ lệ nhỏ.

Về kĩ thuật thêu cổ truyền vẫn còn được giữ lại hầu như nguyên vẹn, nhưng là đồ được truyền lại từ nhiều đời trước, còn giờ đây phần lớn là bị lai tạp, đáp nối với vải hoa thay vì thêu hoa văn hoặc vải màu trắng đỏ truyền thống.v.v...

Bên cạnh đồ trang sức truyền thống, phụ nữ Dao Quần Trắng dùng thêm trang sức vàng, trang sức đeo trang trí ít giá trị như vòng nhựa, khuyên tai, vòng tay của Trung Quốc, rế tiền, rế tìm mua và đa dạng về chủng loại.

Lứa tuổi sử dụng trang phục truyền thống tầm từ 35 tuổi trở lên, đa phần vẫn mặc bộ trang phục truyền thống trong sinh hoạt hàng ngày, còn tầng lớp trẻ hơn hầu như không sử dụng trong ngày thường, chỉ mặc trong lễ hội, cưới hỏi và tang ma mà thôi.

3.3.1. Nguyên nhân biến đổi

Với tộc người Dao Quần Trắng nói chung và tại địa bàn thôn Văn Nham, xã Hùng Đức thì sự thay đổi về trang phục ở người Dao Quần Trắng do nhiều nguyên nhân: có nguyên nhân thuộc về kinh tế - xã hội, có nguyên nhân thuộc về ý thức.

Qua nghiên cứu thực địa, những thay đổi về kinh tế, xã hội của người Dao Quần Trắng khá rõ và sâu sắc. Biểu hiện, trước đây chủ yếu là kinh tế nông nghiệp, nương rẫy, nên đời sống đồng bào vô cùng khó khăn, không đủ ăn, không đủ mặc, kinh tế khó khăn nên những điều kiện sinh hoạt vật chất rất thiếu thốn. Ngày nay, kinh tế đã có phần khởi sắc hơn, như trồng lúa nước, trồng chè, ngô, khoai, sắn.v.v..., tiểu thủ công nghiệp như đan lát, dệt thổ cẩm.v.v...lâm nghiệp như trồng keo, đồi chè.v.v... Nhưng tựu chung lại cũng chỉ là kinh tế hộ gia đình nhỏ lẻ, thu nhập thấp, đưa đến đời sống kinh tế của toàn thôn vẫn còn khó khăn. Mặc dù nền kinh tế thị trường đã phổ biến ở

đồng bằng và một số khu vực miền núi nhưng về cơ bản, người Dao Quần Trắng vẫn duy trì các phương thức sản xuất truyền thống.

Trên cơ sở đó, liên quan đến vấn đề sinh kế của đồng bào nơi đây, qua tìm hiểu thực tế, lực lượng lao động chính trong thôn là thanh niên và trung niên, nam thanh niên có người làm ruộng, đôi cây, hoặc làm thuê cho những vùng lân cận và đi làm ăn ở những tỉnh khác, chủ yếu là các nhà máy xí nghiệp dưới xuôi. Nữ thanh niên thì ở nhà làm nông nghiệp, trông rừng, cũng đi làm thuê cho các xí nghiệp may ở Vĩnh Phúc, Hải Dương, Nam Định, lấy chồng khá sớm từ 18 đến 25, không có công việc ổn định. Đàn ông trung niên thì làm những công việc ở trong thôn tăng gia sản xuất hộ gia đình, phụ nữ thì cũng lo việc nhà, làm ruộng, đôi cây, thêu thùa tạo ra sản phẩm có thể bán hoặc tự túc việc mặc của bản thân. Khi được hỏi, giá thành từng sản phẩm, bà Đặng Thị Phong, 60 tuổi, thôn Văn Nham, làm nghề dệt thổ cẩm cho biết, giá mỗi thứ như yếm, áo dài, quần, khăn... mỗi thứ là 50 nghìn đồng đến 300 nghìn đồng một thứ. Mỗi năm mỗi người cũng chỉ may mới một bộ, mà có người không phải năm nào cũng có quần áo mới. Sự biến đổi không phải một sớm một chiều, mà nó được hình thành qua nhiều thế hệ, Như trên đã viết, làm ra vải và bộ đồ cổ truyền là do nữ giới đảm nhiệm. Nếu như trước đây người phụ nữ Dao Quần Trắng, ngoài công việc đồng áng, nương rẫy và nội trợ, họ còn dành nhiều thì giờ cho dệt vải, nhuộm chàm, thêu thùa, cắt may quần áo.v.v... Ngày nay, công việc trên nương, trông trọt, chăn nuôi chiếm rất nhiều sức lực và thời gian nhàn rỗi của họ. Muốn làm ra bộ đồ cổ truyền tốn phải rất nhiều sức lực và thời gian, trong khi đó vải và quần áo may sẵn đủ kiểu, đủ loại, nhiều màu sắc... giá cả lại phải chăng phù hợp với túi tiền của nhiều tầng lớp người dân. Vải và quần áo may sẵn bán trên thị trường có nhiều điểm hơn hẳn quần áo cổ truyền: vừa nhẹ nhàng, gọn gàng, nhiều chủng loại, màu sắc hợp với thị hiếu ưa nhiều màu sắc của đồng bào... Đó cũng là

nguyên nhân khiến cho bà con người Dao Quần Trắng không còn quan tâm đến việc tự túc làm đồ mặc nữa. Tiện lợi thì có, nhưng những bộ đồ bán sẵn không phải là y phục cổ truyền của họ, hậu quả là do tiện lợi đã làm cho bộ y phục cổ truyền của người Dao Quần Trắng ngày càng mai một.

Một trong những tác nhân không kém phần quan trọng, đó là thị hiếu thời thượng, chạy theo mốt của người Việt. Mà người Dao Quần Trắng giờ đây cũng đã bị Kinh hóa rất nhiều. Nhất là trong lớp trẻ, họ trở nên tự ty, sợ ăn mặc theo kiểu cổ truyền sẽ bị coi là lạc hậu, không thức thời, không hiện đại, những chàng trai cô gái đôi mươi mà ra phố huyện lại mặc áo dài, quần khắn, hay mặc cái quần chàm truyền thống, thì nhìn có vẻ không hợp thời... Điều này thể hiện rõ khi vào xã Hùng Đức, cách đường quốc lộ 2 chừng 5 km, khá gần trung tâm thị trấn, trên đường vào thì chỉ có lác đác, các bà các mẹ là mặc áo cổ truyền còn đâu tất cả đều mặc quần áo như người Kinh, từ đàn ông, đến thanh niên trong xã cũng như trẻ nhỏ. Đa số các bạn trẻ từ 15 đến 25, con trai thì nhuộm tóc, quần bò, áo phông, phóng xe máy, hút thuốc... rất thuần thực, con gái thì cũng sẫm lông mày, đeo trang sức vàng, mỹ kí... mặc áo phông, quần bò, cắt tóc ngắn, nhuộm vàng, đỏ... Nhóm trẻ đã làm tôi ngạc nhiên vì đa phần họ rất mạnh rạn, không nhẹ nhàng, dẹt dẹt, kín đáo như người dân tộc quanh năm sống trốn thâm sơn. Tất cả xã hội, không gian, thời gian, con người sống trong bối cảnh đó đã làm họ thay đổi rất nhiều. Với lứa tuổi thanh niên thì tuyệt đại đa số nam thanh niên đã mặc áo sơ mi, quần âu, quần bò. Bộ nữ phục cổ truyền chỉ còn được dùng vào các dịp lễ hội, ngày tết, đám cưới...thường ngày còn dùng bộ đồ cổ truyền, chủ yếu là lớp người cao tuổi, nhưng phần lớn đã có sự pha tạp.

Tình trạng ăn mặc của người Dao Quần Trắng hiện nay dễ có thể thấy trong từng hộ gia đình. Xu thế *hiện đại hóa* về ăn mặc của người Dao Quần Trắng đang diễn ra tất yếu, khó bề cưỡng lại. Bộ trang phục truyền thống đã

và đang đứng trước nguy cơ mai một. Những kiểu trang phục hiện đại ngày càng phát triển lan tràn làm nảy sinh mâu thuẫn giữa ý thức bảo lưu truyền thống (lớp người lớn tuổi) và tiếp nhận cái mới (lớp người trẻ tuổi). Lớp người cao tuổi vẫn muốn giữ lại bộ đồ truyền thống vì đó là di sản của tổ tiên để lại – một nét văn hóa đặc sắc của dân tộc, giúp phân biệt họ với các dân tộc khác, và giúp họ nhận ra nhau trong một cộng đồng mới. Song giới trẻ lại ít quan tâm đến điều đó. Tuy nhiên, công bằng mà xét không phải ai trong giới trẻ cũng lạnh nhạt với bộ đồ truyền thống của mình, nhưng chính họ không biết cách nào để duy trì nó, vì chính họ đóng vai trò chủ yếu trong sự đổi thay đó. Bởi chính họ đã nhiều người không còn biết cắt may, thêu hoa văn cổ truyền nữa... còn lớp người già đứng trước tình trạng này cũng đành bó tay, chỉ còn biết nuối tiếc mà thôi. Vì vậy, mâu thuẫn giữa cổ truyền và cách tân vẫn luôn tồn tại trong mỗi bản làng tộc người.

Sự thay đổi về văn hóa dẫn đến thay đổi về nhu cầu thẩm mỹ. Cũng phải nói rằng, khi mua một bộ quần áo người Kinh để mặc, rẻ hơn nhiều trang phục truyền thống, và cũng tiện lợi, thoáng mát hơn trong sinh hoạt. Do đó, dù biết rằng bản sắc và văn hóa tộc người luôn rất mạnh mẽ trong họ, nhưng thực tế lại khiến họ chấp nhận sự biến tấu đó. Đi sâu tìm hiểu chúng tôi nhận thấy những đổi thay của xã hội hiện đại và sức ảnh hưởng của những trào lưu thời trang mới đã khiến những bộ trang phục truyền thống bị cách tân, biến tấu với nhiều kiểu dáng mới lạ. Cộng với quá trình chung sống lâu dài với người Kinh, nên cách sinh hoạt văn hóa của dân tộc này cũng phần nào lây lan đến dân tộc khác, trang phục truyền thống có sự giao thoa và tiếp biến trong dòng chảy chung đó.

3.3.2. Vai trò của người phụ nữ Dao Quần Trắng với gia đình và xã hội trong giai đoạn hiện nay

Khi nói tới *vai trò của người phụ nữ* thông qua bộ trang phục là nói tới chủ thể làm ra trang phục, trực tiếp sử dụng trang phục từ đó ta thấy được hình ảnh của họ trong gia đình và xã hội như thế nào. Phải khẳng định phụ nữ có vai trò quan trọng trong các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội và là lao động chính tham gia các khâu trong trồng trọt, chăn nuôi và tiểu thủ công nghiệp; ngoài thời gian làm việc để tạo thu nhập cho gia đình, phụ nữ còn bận rộn với công việc nội trợ, chăm sóc con cái. Do đó, việc tiếp cận các nguồn thông tin mới của phụ nữ bị hạn chế, tỷ lệ phụ nữ không biết chữ còn cao họ ít xem báo chí, tìm hiểu thông tin thị trường... điều này dẫn đến người phụ nữ không nắm bắt được thông tin, thiếu hụt thông tin, làm cho khả năng tiếp cận những tiến bộ khoa học kỹ thuật, những đổi mới trong ngành nông nghiệp còn bị hạn chế, không nâng cao được năng suất, chất lượng sản phẩm. Từ đó làm hạn chế sự đóng góp của phụ nữ vào kinh tế gia đình, việc quản lý, tiếp cận và sử dụng tài chính trong gia đình thì chủ yếu thuộc về người chồng, đặc biệt trong những việc lớn thì người chồng là người có quyết định cuối cùng và quan trọng nhất; những công việc gia đình dường như dành cho người phụ nữ, họ tự trói buộc mình vào các công việc gia đình; mặc dù họ cũng nhận được sự giúp đỡ từ người chồng nhưng vẫn còn hạn chế.

Từ xưa đến nay là vậy, một hiện thực luôn diễn ra ở bất kỳ dân tộc thiểu số nào, chính trong lao động, trong sự thiếu thốn, vất vả đó, họ lại tìm cho mình một công việc làm niềm vui, vừa mang tính ích dụng cao, làm ra sản phẩm cho may mặc cho bản thân và cho cả gia đình, đồng thời tạo thêm thu nhập. Bởi lẽ đó mà ta thấy vai trò của họ, vẻ đẹp của họ qua từng đường kim mũi chỉ, thấy sự cần cù, sáng tạo miệt mài. Dù là công việc nội trợ, dệt

vải, chăm sóc con cái, hay đi chợ buôn bán... tất cả luôn hiện diện hình ảnh cần mẫn của người phụ nữ.

Bên cạnh đó, *mối quan hệ xã hội* của người phụ nữ Dao Quần Trắng thông qua bộ trang phục cũng được thể hiện khá rõ. Trước kia, những người phụ nữ Dao trực tiếp làm ra trang phục cho cả gia đình sử dụng và khi không sử dụng hết, họ sẽ mang đi bán, đầu tiên là cho những người xung quanh, hoặc có thể mang ra chợ bán. Họ có thể trả bằng tiền mặt hoặc có thể trả bằng hiện vật, con gà, con chó, bao gạo... tất cả tạo nên những mối quan hệ mới, cởi mở và bền vững từ những người phụ nữ với nhau trong thôn, xóm và các vùng lân cận của xã.

Khi nhu cầu ngày càng cao, sẽ có những gia đình chuyên làm nghề dệt và may trang phục. Ngày xưa của ai người đó tự may đó là thước đo phẩm hạnh và sự đảm đang của người phụ nữ. Ngày nay, quan niệm đó hầu như thay đổi, mọi người nhìn nét đảm đang của người phụ nữ Dao ở việc chăm lo gia đình, nuôi dạy con cái nên người, cao hơn là góp phần tạo thêm thu nhập. Để nhanh gọn, tiện lợi, người phụ nữ Dao Quần Trắng có thể lựa chọn: chọn cách đi mua bộ áo quần may sẵn, hay mua vải rồi thuê cắt, may, từ đó hình thành những người chuyên may trang phục. Dẫn đến sự chuyên môn hóa như bà Hoàng Thị Tham ở thôn Văn Nham và một số người khác, họ làm nghề dệt, may tạo thêm thu nhập cho gia đình.

Một vấn đề nữa khi xem xét trên khía cạnh bộ trang phục đó là *mối quan hệ giới*. Khi nhìn rộng hơn, dưới góc nhìn của một người làm văn hóa, có lẽ đây là vấn đề còn nhiều bàn luận. Qua nhiều phân tích ta đã phần nào thấy được vai trò của người phụ nữ trong gia đình và xã hội. Hiện nay, trong nhiều gia đình người Dao Quần Trắng, đa phần phụ nữ và nam giới đều tham gia các hoạt động tạo thu nhập, cùng giáo dục con và chăm sóc các thành viên khác trong gia đình. Vợ chồng cùng bàn bạc, tôn trọng ý kiến của nhau trước

khi quyết định các vấn đề lớn, quan tâm, chăm sóc và tạo điều kiện về mọi mặt cho con trai và con gái đã bắt đầu hình thành xu hướng song mới chỉ ở khu vực thành phố, thị xã, thị trấn phát triển.

Khi đi sâu tìm hiểu đời sống của họ qua nhiều lĩnh vực, tiêu biểu là đời sống sinh hoạt văn hóa, tôi có một cái nhìn theo chiều hướng khác dù họ biết rằng sự mệt nhọc vất vả luôn đè nặng lên đôi vai, nhưng tôi luôn thấy nụ cười lạc quan thường trực trên khuôn mặt họ. Có lẽ, không nên có cái nhìn tiêu cực ở đây, họ làm tất cả vì họ quen rồi, từ xưa đến nay vẫn thế. Ở họ có sự chia sẻ công việc của người đàn ông trong gia đình, có sự phân chia công việc, tương trợ lẫn nhau là rất lớn. người đàn ông lo việc nặng, làm nhà, làm nương rẫy... người phụ nữ lo việc nhà chăm sóc con cái và rảnh rỗi thì dệt vải... một sự phân chia khá hợp lý. Ngay cả việc dệt vải cũng luôn có sự xuất hiện của người đàn ông trong các khâu nặng nhọc như: trồng bông, làm khung dệt, nhuộm vải... từ đó có thể thấy, dù tình trạng phụ quyền trong gia đình người Dao Quần Trắng là luôn tồn tại thì sự tôn trọng và bình đẳng giới vẫn luôn song hành, cho thấy có sự chia sẻ, bàn bạc, thống nhất trong công việc gia đình.

Trong thời đại mới, hòa chung vào dòng chảy của thời mở cửa, những người phụ nữ ở thôn Văn Nham, xã Hùng đức cũng có rất nhiều thay đổi trong vai trò và vị trí của mình trong gia đình và xã hội. Cụ thể khi nghiên cứu tại địa bàn xã Hùng Đức, có những sự thay đổi lớn như sau:

- Trong gia đình

Phụ nữ là một trong những người tạo ra thu nhập chính từ việc làm nông nghiệp, trồng rừng và những hình thức lao động mới như làm nghề dệt thổ cẩm, đi chợ buôn bán, kinh doanh nhỏ tại nhà, làm thuê, làm nghề thủ công như đan mây tre, bán thuốc nam.v.v... Những công việc đó được họ chú trọng bởi nó tạo ra thu nhập chính duy trì cuộc sống gia đình, đàn ông người

Dao Quân Trắng không đi chợ, không biết kinh doanh buôn bán, chỉ làm nông nghiệp hoặc ở nhà. Do đó, người phụ nữ đảm nhiệm rất nhiều công việc như đã nói ở trên. Tóm lại, phương thức sinh kế của đồng bào người Dao Quân Trắng ở thôn Văn Nham đã có nhiều thay đổi đáng kể. Họ không chỉ ở nhà làm ruộng, làm nương mà còn bước vào cuộc sống thương mại, buôn bán, trao đổi hàng hóa và rất nhanh bắt kịp với xu thế cộng đồng.

Không chỉ vậy, phụ nữ Dao Quân Trắng vẫn luôn đảm nhiệm tốt vai trò là người phụ nữ trong gia đình với công việc chăm lo gia đình và nuôi dạy con cái. Qua nghiên cứu trường hợp gia đình bà Hoàng Thị Tham, 68 tuổi, thôn Văn Nham, xã Hùng Đức, Bà làm nghề dệt thổ cẩm từ 30 đến 40 năm trước, được học nghề dệt từ mẹ khi còn nhỏ, nghề dệt là nguồn thu nhập chính cho gia đình, bà làm và bán ở các chợ trong huyện Hàm Yên như: chợ Hùng Đức, chợ Phù Lưu, chợ Minh Hương... và sang cả các vùng lân cận thuộc tỉnh Yên Bái, ngày trước bà di chuyển bằng xe đạp rồi đến xe máy, nhưng nơi xa quá bà thường đi ô tô khách có khi đi vài ba ngày mới về. Thu nhập không nhiều như góp phần lớn vào việc trang trải cuộc sống nuôi các con ăn học trưởng thành, khi hỏi về giá thành bộ trang phục bà nói *“Người ta ít khi mua cả bộ vì đắt tiền, thông thường họ mua từng thứ một, như cái áo, cái yếm hay khăn đội đầu.v.v... giá trung bình từ 130 nghìn đến 200 nghìn đồng một cái áo, khăn đội đầu khoảng 130 nghìn đồng, yếm bà bán khoảng 150 nghìn đồng”*. Bà còn bán dây lưng, quần, xà cạp, mũ trẻ em, địu trẻ nhỏ, túi đựng trà. Cứ có phiên chợ ở đâu là bà lại mang sản phẩm đến đó bán, trong tuần hầu như bà đều đi bán, thu nhập bình quân một tháng cũng từ 2 triệu đến 2.5 triệu đồng. Anh Lý Văn Kết, 42 tuổi, thôn Văn Nham con trai bà Hoàng Thị Tham nhớ lại *“Nhờ vào đường kim mũi chỉ của mẹ mà nuôi cả 8 anh em trưởng thành như hôm nay”*, qua đó để thấy giá trị kinh tế của bộ trang phục. Hay những người phụ nữ bán hàng ngoài chợ, họ bán nông sản của gia đình:

mùa gì thức đó, hoặc buôn hàng dưới xuôi lên bán: hàng đồ gia dụng, thuốc tân dược, thuốc trừ sâu, hạt giống, bán hàng tạp hóa nhỏ tại gia đình hoặc ngoài chợ.v.v... Tất cả những sinh hoạt đời sống đó, khiến họ bận rộn, bị cuốn theo dòng chảy của thời đại, cũng vì quá bận rộn, phải di chuyển nhiều nên mặc bộ trang phục truyền thống không còn phù hợp.

- Trong xã hội

Người phụ nữ cũng giữ một vị trí quan trọng, họ tham gia hội phụ nữ xã Hùng Đức, xã nào cũng có hội phụ nữ, trao đổi với nhau về cung cách làm ăn buôn bán, kinh nghiệm nuôi dạy con cái. Hội phụ nữ xã còn mở lớp xóa mù chữ cho các chị em phụ nữ do các thầy cô của trường Tiểu học và Trung học cơ sở trong xã giảng dạy, tổ chức các lớp học cắt may hội viên phụ nữ, tổ chức lớp học thêu dệt thổ cẩm chị em hội viên; lớp kỹ thuật trồng chè. Tổ chức nhiều buổi tư vấn giới thiệu việc làm cho lao động nữ; vận động hàng trăm hội viên phụ nữ được tham gia thực hiện Dự án hỗ trợ chăn nuôi lợn Móng Cái. Đó là một số chương trình điển hình của xã Hùng Đức đưa ra để phát triển đời sống kinh tế cho chị em phụ nữ trong xã. Như vậy, đời sống kinh tế xã hội thay đổi dẫn đến nhu cầu đơn giản, gọn nhẹ trong trang phục mặc hàng ngày, phụ nữ Dao Quần Trắng ngày nay luôn tham gia vào nhiều công việc trong đời sống kinh tế, xã hội, do đó, họ không còn thời gian để tự dệt, khâu, thêu trang phục như xưa. Dẫn đến việc thực hành văn hóa may mặc bị thay đổi nhiều so với truyền thống.

3.4. Một số ý kiến về vấn đề bảo tồn trang phục nữ truyền thống của người Dao Quần Trắng

Với những biến đổi của trang phục nữ truyền thống của người Dao Quần Trắng và những nguyên nhân của sự biến đổi như đã trình bày ở trên, cá nhân người viết xin đưa ra một số đề xuất như sau:

Chú trọng bảo tồn và phát huy những tinh hoa văn hoá truyền thống, xây dựng và phát triển những giá trị mới về văn hoá trong đó có trang phục nữ truyền thống của người Dao Quần Trắng

Bên cạnh đó là việc phát hiện, bồi dưỡng đội ngũ những người lưu giữ và phát triển nghề dệt thổ cẩm trên địa bàn thôn Văn Nham và xã Hùng Đức.

Nên tổ chức điều tra, sưu tầm, nghiên cứu, phổ biến các giá trị nghệ thuật tạo hình và nghệ thuật trang trí trên trang phục cho cộng đồng người Dao Quần Trắng hiểu biết sâu rộng về nó và trân trọng những tri thức dân gian của đồng bào mình.

Các cấp chính quyền ở xã và huyện nên đưa ra nhiều giải pháp để phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, giúp đồng bào ổn định cuộc sống đồng thời nâng cao ý thức cộng đồng về văn hóa trong trang phục truyền thống.

Tiểu kết chương 3

Giá trị nghệ thuật và thẩm mỹ trên trang phục của người Dao Quần Trắng xã Hùng Đức được lưu giữ, bảo tồn và thể hiện rõ nét trên bộ trang phục cổ truyền của phụ nữ Dao Quần Trắng gồm khăn đội đầu, áo dài, yếm, dây lưng, quần, xà cạp và trên đồ trang sức như: vòng cổ, vòng tay và nhẫn, khuyên tai và xà tích. Từ đó thấy được bàn tay tài hoa và cảm nhận tinh tế của người phụ nữ Dao Quần Trắng trong cách họ nhìn cuộc sống và thể hiện chúng trên trang phục của mình, từ tạo hình của bộ trang phục đến hoa văn trang trí cũng như màu sắc sử dụng, tổng thể tạo ra một khối liên kết hài hòa, thuận mắt và mang bản sắc riêng của tộc người Dao Quần Trắng, đúng như GS. Ngô Đức Thịnh đã viết trong cuốn “*Trang phục cổ truyền các dân tộc ở Việt Nam*”(2000): “Bản sắc văn hóa dân tộc được biểu hiện ở mọi khía cạnh của đời sống vật chất và tinh thần của con người. Tuy nhiên tùy theo từng lĩnh vực văn hóa mà bản sắc dân tộc ẩn tàng bên trong hay lộ ra bên ngoài. Trong trường kỳ lịch sử, do tiếp xúc và giao lưu với các dân tộc láng giềng, có lĩnh

vực văn hóa biến đổi nhiều, giữ lại đôi nét sắc thái của mình, nhưng ngược lại, có lĩnh vực văn hóa lại bảo lưu khá bền chặt, có lúc, có nơi hầu như còn nguyên vẹn. Có thể nói, trong văn hóa dân tộc, trang phục, đặc biệt là trang phục phụ nữ, là cái mà ở đó bản sắc dân tộc biểu hiện rõ rệt, thường xuyên và lâu bền nhất”. [23, tr.9]

Dù ta luôn nhìn nhận những giá trị đó dưới góc độ tinh hoa của một tộc người thì cũng không thể phủ nhận những biến đổi đang diễn ra trong đời sống cộng đồng thông qua bộ trang phục. Để từ đó đưa ra những nhận định xung quanh việc biến đổi trang phục nữ người Dao Quần Trắng ở thôn Văn Nham. Sự thay đổi về trang phục ở người Dao Quần Trắng do nhiều nguyên nhân: có nguyên nhân thuộc về kinh tế - xã hội, có nguyên nhân thuộc về ý thức. Sự thay đổi về văn hóa dẫn đến thay đổi về nhu cầu thẩm mỹ. Qua đó hiểu hơn về *vai trò của người phụ nữ* Dao Quần Trắng với gia đình và xã hội trong giai đoạn hiện nay và những nhìn nhận mới về *mối quan hệ xã hội và quan hệ giới* thông qua bộ trang phục.

Trong gia đình, phụ nữ là một trong những người tạo ra thu nhập chính, với nhiều hình thức kinh doanh buôn bán thời mở cửa đó là những phương thức sinh kế mới, tất cả những sinh hoạt đời sống đó, khiến họ bận rộn, bị cuốn theo dòng chảy của thời đại, cũng vì quá bận rộn, phải di chuyển nhiều nên mặc bộ trang phục truyền thống không còn phù hợp.

Trong vai trò với xã hội, người phụ nữ cũng giữ một vị trí quan trọng, họ tham gia hội phụ nữ xã Hùng Đức, trao đổi với nhau về cung cách làm ăn buôn bán, kinh nghiệm nuôi dạy con cái. Hội phụ nữ để phát triển đời sống kinh tế cho chị em phụ nữ trong xã. Từ thực tế đời sống kinh tế, xã hội thay đổi dẫn đến nhu cầu đơn giản, gọn nhẹ trong trang phục mặc hàng ngày. Phụ nữ Dao Quần Trắng ngày nay luôn tham gia vào nhiều khâu trong đời sống kinh tế xã hội do đó họ không còn thời gian để tự dệt, khâu, thêu trang phục

như xưa. Dẫn đến việc thực hành văn hóa may mặc bị thay đổi nhiều so với truyền thống.

Từ đó, tôi xin đưa ra một số ý kiến về vấn đề bảo tồn trang phục nữ truyền thống của người Dao Quần Trắng. Để trên cơ sở đó phát huy những tinh hoa văn hoá truyền thống, xây dựng và phát triển những giá trị mới về văn hoá đóng góp cho cộng đồng người Dao Quần Trắng trên địa bàn xã nói riêng và dân tộc Dao nói chung.

KẾT LUẬN

Trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang có 9 nhóm (ngành) Dao khác nhau và người Dao Quần Trắng là một trong 9 nhóm Dao đó, mỗi nhóm Dao có một đặc trưng riêng biệt trong văn hóa truyền thống. Xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên là nơi có khá đông người Dao Quần Trắng sinh sống, từ bao đời nay trong quá trình di cư từ Thái Nguyên, Vĩnh Phú sang Sơn Dương rồi chuyển cư dần ngược theo sông Lô lên Hàm Yên được gần 200 năm, trong suốt quá trình đó người Dao Quần Trắng đã tạo dựng cho mình một đời sống văn hóa xã hội đặc sắc. Trong đó có trang phục truyền thống, đây là dấu ấn mạnh mẽ thể hiện bản sắc văn hóa tộc người khi nhìn vào các dân tộc thiểu số.

Xã Hùng Đức cách đường quốc lộ 2 là 5 km, cách thị trấn Tân Yên của huyện Hàm Yên 8 km, giao thông đi lại khá thuận tiện, do đó sự giao lưu tiếp xúc với bên ngoài ngày càng nhanh và mạnh mẽ hơn. Kéo theo văn hóa truyền thống đang thay đổi từng ngày, ngày nay ta vẫn nhìn thấy những dáng áo truyền thống của người Dao Quần Trắng nhưng chỉ ở tầng lớp trung niên và người già trong thôn, trong xã, còn hầu như trang phục truyền thống chỉ được sử dụng trong những dịp lễ, tết, tang ma, cưới hỏi.v.v... dù có nhiều biến đổi nhưng bộ trang phục nữ truyền thống vẫn bảo tồn được nhiều nét cơ bản của truyền thống, là những dấu hiệu phân biệt tộc người này với tộc người khác.

Qua nghiên cứu trường hợp tại thôn Văn Nham là thôn mà 100% là người Dao Quần Trắng. Với diện tích tự nhiên: Khoảng 1 km², nơi đây tập trung khá đầy đủ những đặc trưng tiêu biểu của đời sống xã hội và văn hóa người Dao Quần Trắng, như văn hóa ẩm thực (đồ ăn, đồ uống), nhà ở, nghệ thuật dân gian và điển hình là tín ngưỡng nông nghiệp được thể hiện ở các nghi lễ truyền thống như: Lễ cúng thổ công, Các lễ tết trong năm: tết Nguyên đán, Tết nguyên đán, Tết mùng 3/3, Tết 14/7, Tết 9/9. Và những nghi lễ trong

chu kỳ đời người như lễ đám chay, lễ cấp sắc; nghi lễ trong tang ma và cưới hỏi. Đó là những điểm riêng biệt mang đặc trưng tiêu biểu văn hóa tộc người Dao Quần Trắng ở thôn Văn Nham, xã Hùng Đức. Thông qua tìm hiểu về những đặc điểm tiêu biểu đó để nói tới thực trạng và biến đổi của đời sống xã hội dẫn đến sự biến đổi trên bộ trang phục nữ truyền thống.

Bên cạnh đó, luận văn đi vào phân tích bộ trang phục nữ truyền thống, trong đó có y phục: khăn đội đầu, áo dài, yếm, dây lưng, quần, xà cạp. Và đồ trang sức gồm có: vòng cổ, vòng tay và nhẫn, khuyên tai và xà tích. Trên cơ sở nghiên cứu trường hợp đưa ra những biến đổi của bộ trang phục nữ truyền thống. Với sự xuất hiện của vải công nghiệp vừa rẻ, vừa tiện lợi lại đa dạng về chủng loại, màu sắc cùng nền kinh tế thị trường bắt đầu len lỏi vào từng thôn bản. Đã chi phối mạnh mẽ đến nhịp sống tự cung, tự cấp truyền thống của đồng bào nơi đây. Trang phục truyền thống đang dần được thay thế bởi âu phục. Đồ trang sức cổ truyền cũng dần bị lấn át bởi trang sức vàng, trang sức mỹ ký mua ngoài thị trường.

Trên cơ sở thực trạng nghiên cứu tại địa bàn luận văn nêu ra những giá trị nghệ thuật và thẩm mỹ thông qua bộ trang phục nữ truyền thống, phản ánh giá trị văn hóa tiêu biểu tộc người. Thực trạng đã có những biến đổi và do nhiều nguyên nhân, có nguyên nhân thuộc về đời sống kinh tế xã hội và có nguyên nhân thuộc về ý thức. Những biến đổi đó thể hiện khá rõ nét trong đời sống cộng đồng đặc biệt tác động tới những người phụ nữ, chủ thể bộ trang phục, qua đó thấy được vai trò của họ trong sự biến đổi đó đối với gia đình và xã hội, những hướng nhìn mới trong mối quan hệ xã hội và quan hệ giới thông qua bộ trang phục nữ truyền thống.

Nhận rõ được thực trạng đó, để bảo tồn và phát huy giá trị trang phục cũng như các di sản văn hóa khác của người Dao Quần Trắng đời đời phải có một loạt những biện pháp mang tính đồng bộ và cụ thể như:

Chú trọng bảo tồn và phát huy những tinh hoa văn hoá truyền thống, xây dựng và phát triển những giá trị mới về văn hoá trong đó có trang phục nữ truyền thống của người Dao Quần Trắng; phát hiện, bồi dưỡng đội ngũ những người lưu giữ và phát triển nghề dệt thổ cẩm trên địa bàn thôn Văn Nham và xã Hùng Đức; tổ chức sưu tầm, nghiên cứu, phổ biến các giá trị nghệ thuật tạo hình và nghệ thuật trang trí trên trang phục cho cộng đồng người Dao Quần Trắng hiểu biết sâu rộng về nó và trân trọng những tri thức dân gian của đồng bào mình. Đồng thời, các cấp chính quyền ở xã và huyện nên đưa ra nhiều giải pháp để phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, giúp đồng bào ổn định cuộc sống đồng thời nâng cao ý thức cộng đồng về văn hóa trong trang phục truyền thống.

Trong điều kiện và thời gian cho phép của một luận văn thạc sĩ, tác giả mới dừng lại ở việc nghiên cứu thực trạng và đưa ra một số tìm hiểu của mình về trang phục nữ của người Dao Quần Trắng. Để hiểu nhiều chiều hơn về văn hóa Dao Quần Trắng, các vấn đề và hướng nghiên cứu tiếp theo về trang phục người Dao Quần Trắng như: so sánh trang phục Dao Quần Trắng nói chung giữa các khu vực khác nhau, trong địa bàn tỉnh hoặc các tỉnh có người Dao Quần Trắng sinh sống; đi sâu tìm hiểu các loại hình trang phục khác như trang phục nam, trang phục thầy cúng.v.v... trang phục được sử dụng trong các lễ hội tín ngưỡng tôn giáo.v.v... có thể sẽ được nghiên cứu trong các công trình khoa học tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (1998), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb, Tổng hợp Đồng Tháp.
2. Duệ Anh (1988), *Lược khảo về trang phục truyền thống của các dân tộc ở Việt Nam*, Tạp chí Dân tộc học, số 3, Hà Nội.
3. Ban dân tộc Tuyên Quang (1973), *Các dân tộc thiểu số ở Tuyên Quang*, In tại nhà máy in Việt Bắc.
4. Diệp Trung Bình, Hà Thị Nụ, Ma Ngọc Dung (1997), *Hoa văn trên vải các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc Bắc Bộ Việt Nam*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
5. Bộ Văn hoá Thông tin - Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam (2006), *Văn hoá phi vật thể của các dân tộc ở vùng lòng hồ thủy điện Tuyên Quang*, Nxb Văn hoá thông tin – Công ty văn hoá Trí Tuệ Việt.
6. Nguyễn Anh Cường (1996), *Trang phục cổ truyền của người Dao Thanh Y*, Tạp chí Dân tộc học, số 4, Hà Nội.
7. Nguyễn Anh Cường (1999), *Một số nét đặc trưng của bộ nữ phục cổ truyền của người Dao Quần trắng*, Tạp chí Dân tộc học, số 3, Hà Nội.
8. Bé Viết Đăng – Nguyễn Khắc Tụng – Nông Trung – Nguyễn Nam Tiến (1971), *Người Dao ở Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
9. Nguyễn Thị Đức (1998), *Văn hóa trang phục- Từ truyền thống đến hiện đại*, Nxb Văn Hóa Thông tin, Hà Nội
10. Hội văn nghệ dân gian Việt Nam – Nguyễn Xuân Kính (2013), *Con người, môi trường và văn hóa*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Hội văn nghệ dân gian Việt Nam – Phan Ngọc Khuê (2003), *Lễ cấp sắc của người Dao Lô Giang ở Lạng Sơn*, Nxb Văn hóa – Thông tin.

12. Nguyễn Văn Huy chủ biên (1997), *Bức tranh văn hóa các dân tộc Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
13. Hoàng Nam (2012), *Đại cương nhân học văn hóa Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
14. Phan Ngọc (2006), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Văn hóa.
15. Phan Hồng Quang – Bùi Hoài Sơn (2012), *Quản lý văn hóa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
16. Sở Văn hoá – Thông tin Hà Giang & Viện Dân tộc học (1999), *Văn hoá truyền thống Người Dao ở Hà Giang*, Nxb Văn hoá Dân tộc.
17. Lê Ngọc Thắng (1990), *Nghệ thuật trang phục Thái*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
18. Trần Ngọc Thêm (1996), *Tìm về Bản sắc Văn hóa Việt Nam*, Nxb TP Hồ Chí Minh.
19. Bùi Thiết (1999), *54 Dân tộc Việt Nam và các tên gọi khác*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội
20. Đoàn Thị Tình (1987), *Tìm hiểu trang phục Việt Nam*, Nxb Văn hóa, Hà Nội,
21. Ngô Đức Thịnh (2000), *Trang phục cổ truyền các dân tộc Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
22. Chu Quang Trứ (2013), *Văn hóa Việt Nam nhìn từ mỹ thuật*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
23. Trung tâm văn hóa – Thông tin tỉnh Yên Bái - Đỗ Quang Tụ - Nguyễn Liễn (2005), *Người Dao trong cộng đồng dân tộc Việt Nam*, Nxb Giao thông vận tải, Hà Nội.
24. Trần Từ (1978), *Hoa văn Mường*, Nxb Văn Hóa dân tộc, Hà Nội.
25. Nông Quốc Tuấn (2002), *Trang phục cổ truyền của người Dao ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.

26. Nguyễn Khắc Tụng và Nguyễn Anh Cường (2004), *Trang phục cổ truyền của người Dao ở Việt nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
27. Nguyễn Thị Vân (2015), *Trang phục nữ của người Mường ở xã Phong phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hoà Bình*, Luận văn Thạc sĩ Dân tộc học, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam - Học viện khoa học xã hội, Hà Nội.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Bản đồ.

Phụ lục 2: Danh sách những người cung cấp thông tin tư liệu cho luận văn.

Phụ lục 3: Một số hình ảnh liên quan đến đời sống và trang phục người Dao Quần Trắng.

PHỤ LỤC 1

Bản đồ



Phụ lục 2: Danh sách những người cung cấp thông tin tư liệu cho luận văn

TT	Họ và tên	Tuổi	Dân tộc	Đối tượng	Địa chỉ
1	Hoàng Thị Tham	68	DQT	Dệt thổ cẩm	Thôn Văn Nham, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang
2	Lý Văn Chuyên	68	DQT	Người già	Thôn Văn Nham, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang
3	Lý Văn Kết	42	DQT	Trưởng thôn	Thôn Văn Nham, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang
4	Triệu Thị Hồng	45	DQT	Làm ruộng	Thôn Văn Nham, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang
5	Đặng Thị Phong	64	DQT	Dệt thổ cẩm	Thôn Văn Nham, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang
6	Đặng Thị Khoa	35	DQT	Làm may	Thôn Văn Nham, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang
7	Bàn Thị Minh	55	DQT	Làm ruộng	Thôn Hùng Xuân, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang
8	Bàn Thị Nông	40	DQT	Làm ruộng	Thôn Hùng Xuân, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang
9	Lý Thị Đường	51	DQT	Làm ruộng	Thôn Xuân Đức, xã Hùng

					Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang
10	Trần Thị Chung	24	DQT	Làm ruộng	Thôn Xuân Đức, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang
11	Bàn Thị Ân	48	DQT	Làm ruộng	Thôn Đèo Tề, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang
12	Nguyễn Thị Hiền	48	DQT	Bán thuốc nam	TT Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang
13	Vi Thị Yến	49	DQT	Làm ruộng	Thôn Làng Phan, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang
14	Đặng Thị Xuân	23	DQT	Làm ruộng	Thôn Xuân Đức, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang
15	Triệu Văn Hiện	56	DQT	Người già	Thôn Văn Nham, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang
16	Bàn Thị Pảng	66	DQT	Dệt thổ cẩm	Thôn Văn Nham, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang
17	Đặng Thị Bình	78	DQT	Dệt thổ cẩm	Thôn Văn Nham, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang
18	Đặng Văn Kiến	65	DQT	Người già	Thôn Văn Nham, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang

Phụ lục 3: Một số hình ảnh liên quan đến đời sống và trang phục người Dao Quần Trắng.

- **Tổng quan thôn Văn Nham – xã Hùng Đức**



Ảnh 3.1: Nhà sàn ở thôn Văn Nham

Người chụp: Bùi Tường Vân (2016)



Ảnh 3.2: Đường vào thôn Văn Nham

Người chụp: Bùi Tường Vân (2016)



Ảnh 3.3: thôn Văn Nham, Xã Hùng Đức

Người chụp: Bùi Tường Vân (2016)

- **Dụng cụ dệt vải sợi bông**



Ảnh 3.4: Cây Bông



Ảnh 3.5: Cây Chàm

(Nguồn: ảnh tư liệu website)



Ảnh 3.6: Cán bông



Ảnh 3.7: Xe sợi

Người chụp: Bùi Tường Vân (2016)



Ảnh 3.8: Xe sợi

Nguồn: theo cuốn sách của PGS.TS. Nguyễn Khắc Tụng và TS. Nguyễn Anh Cường (2004), *Trang phục cổ truyền của người Dao ở Việt nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội



Ảnh 3.9: Khung cửi

Người chụp: Bùi Tường Vân (2016)



Ảnh 3.10: suốt chỉ



Ảnh 3.11: suốt chỉ đang dệt Yếm

Người chụp: Bùi Tường Vân (2016)

- **Trang phục nữ truyền thống**



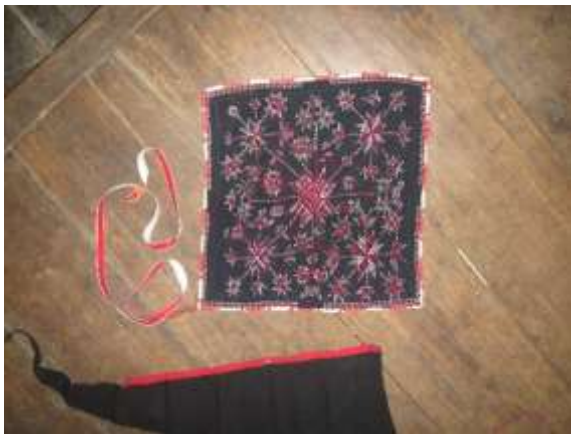
Ảnh 3.12: Bộ trang phục truyền thống

Người chụp: Bùi Tường Vân (2016)



Ảnh 3.13: Yếm, dây lưng

Người chụp: Bùi Tường Vân (2016)



Ảnh 3.14: Khăn đội đầu

Người chụp: Bùi Tường Vân (2016)



Ảnh 3.15: vòng tay bạc

Người chụp: Bùi Tường Vân (2016)



Ảnh 3.16: Xà tích bạc



Ảnh 3.17: Hoa tai bạc

Người chụp: Bùi Tường Vân (2016) Người chụp: Bùi Tường Vân (2016)



Ảnh 3.18: Vòng bạc

Nguồn: theo cuốn sách của PGS.TS. Nguyễn Khắc Tụng và TS. Nguyễn Anh Cường (2004), *Trang phục cổ truyền của người Dao ở Việt nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội



Ảnh 3.19: Mũ phũ dâu



Ảnh 3.20: Quần chàm

Nguồn: theo cuốn sách của PGS.TS. Nguyễn Khắc Tụng và TS. Nguyễn Anh Cường (2004), *Trang phục cổ truyền của người Dao ở Việt nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội



Ảnh 3.21: Trang phục trẻ em Ảnh 3.22: Trang phục người trẻ

Nguồn: theo cuốn sách của PGS.TS. Nguyễn Khắc Tụng và TS. Nguyễn Anh Cường (2004), *Trang phục cổ truyền của người Dao ở Việt nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội

- **Trang phục thường ngày**



Ảnh 3.23: Đi chợ

Người chụp: Bùi Tường Vân (2016)



Ảnh 3.24: Đi chợ



Ảnh 3.25: Lao động

Người chụp: Bùi Tường Vân (2016) Người chụp: Bùi Tường Vân (2016)

- **Trang phục cô dâu**



Ảnh 3.26: Cô dâu



Ảnh 3.27: Chú rể



Ảnh 3.28: Phù dâu

Nguồn: theo cuốn sách của PGS.TS. Nguyễn Khắc Tụng và TS. Nguyễn Anh Cường (2004), *Trang phục cổ truyền của người Dao ở Việt nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội



Ảnh 3.29: Áo dài Ảnh 3.30: Dây tơ hồng Ảnh 3.31: Áo chàm
ngày cưới

Người chụp: Bùi Tường Vân (2016)



Ảnh 3.32: Quần xà cạp Ảnh 3.33: Mũ, quạt, khăn

Người chụp: Bùi Tường Vân (2016)



Ảnh 3.34: Quần trắng

Người chụp: Bùi Tường Vân (2016)



Ảnh 3.35: Mũ Cô dâu

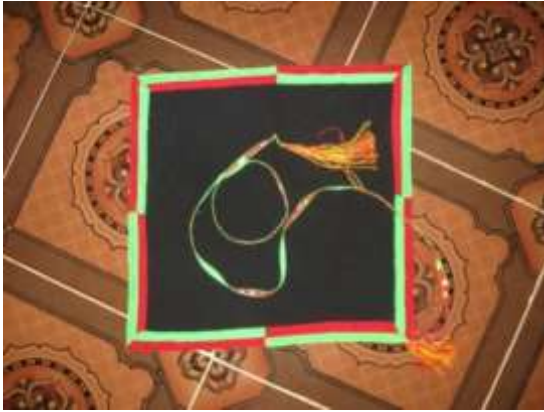
Người chụp: Bùi Tường Vân (2016)



Ảnh 3.36: Xà Cạp

Người chụp: Bùi Tường Vân (2016)

- **Hình ảnh của sự biến đổi**



Ảnh 3.37: Khăn ngày nay



Ảnh 3.38: Khăn truyền thống

Người chụp: Bùi Tường Vân (2016) Người chụp: Bùi Tường Vân (2016)



Ảnh 3.39: Áo đắp vải hoa



Ảnh 3.40: Áo truyền thống

Người chụp: Bùi Tường Vân (2016) Người chụp: Bùi Tường Vân (2016)



Ảnh 3.41: Mặc đồ người Kinh

Ảnh 3.42: Mua quần áo người Kinh

Người chụp: Bùi Tường Vân (2016) Người chụp: Bùi Tường Vân (2016)



Ảnh 3.43: Mặc đồ người Kinh

Ảnh 3.44: Mua quần áo người Kinh

Người chụp: Bùi Tường Vân (2016)

Người chụp: Bùi Tường Vân (2016)



Ảnh 3.45: Bán vải công nghiệp

Ảnh 3.46: Bán quần áo người Kinh

Người chụp: Bùi Tường Vân (2016)

Người chụp: Bùi Tường Vân (2016)

- **Hoa văn trên trang phục truyền thống.**



Ảnh 3.47: Hình hoa tám cánh, hình người, hình cây cỏ trên mũ cô dâu

Người chụp: Bùi Tường Vân (2016)



Ảnh 3.48: Hoa văn hình con Dết, hình hoa tám cánh trên khăn đội đầu

Người chụp: Bùi Tường Vân (2016)



Ảnh 3.49: Hoa văn hình con cua, hình hoa tám cánh trên thân và gấu áo

Người chụp: Bùi Tường Vân (2016)



Ảnh 3.50: Hoa văn hoa sóng lưng, hoa văn hình Ti Vênh sau cổ áo

Người chụp: Bùi Tường Vân (2016)



Ảnh 3.51: Hoa văn hình hoa tám cánh, hoa thoi trên thân Yếm

Người chụp: Bùi Tường Vân (2016)



Ảnh 3.52: Hoa văn hình Hoa Lựu thân trên của Yếm

Người chụp: Bùi Tường Vân (2016)



Ảnh 3.53: Hoa văn hình hạt bí đao, hình mũi dao nhọn, hình Lá cây nứa, hình Quả Trám trên dây lưng

Người chụp: Bùi Tường Vân (2016)